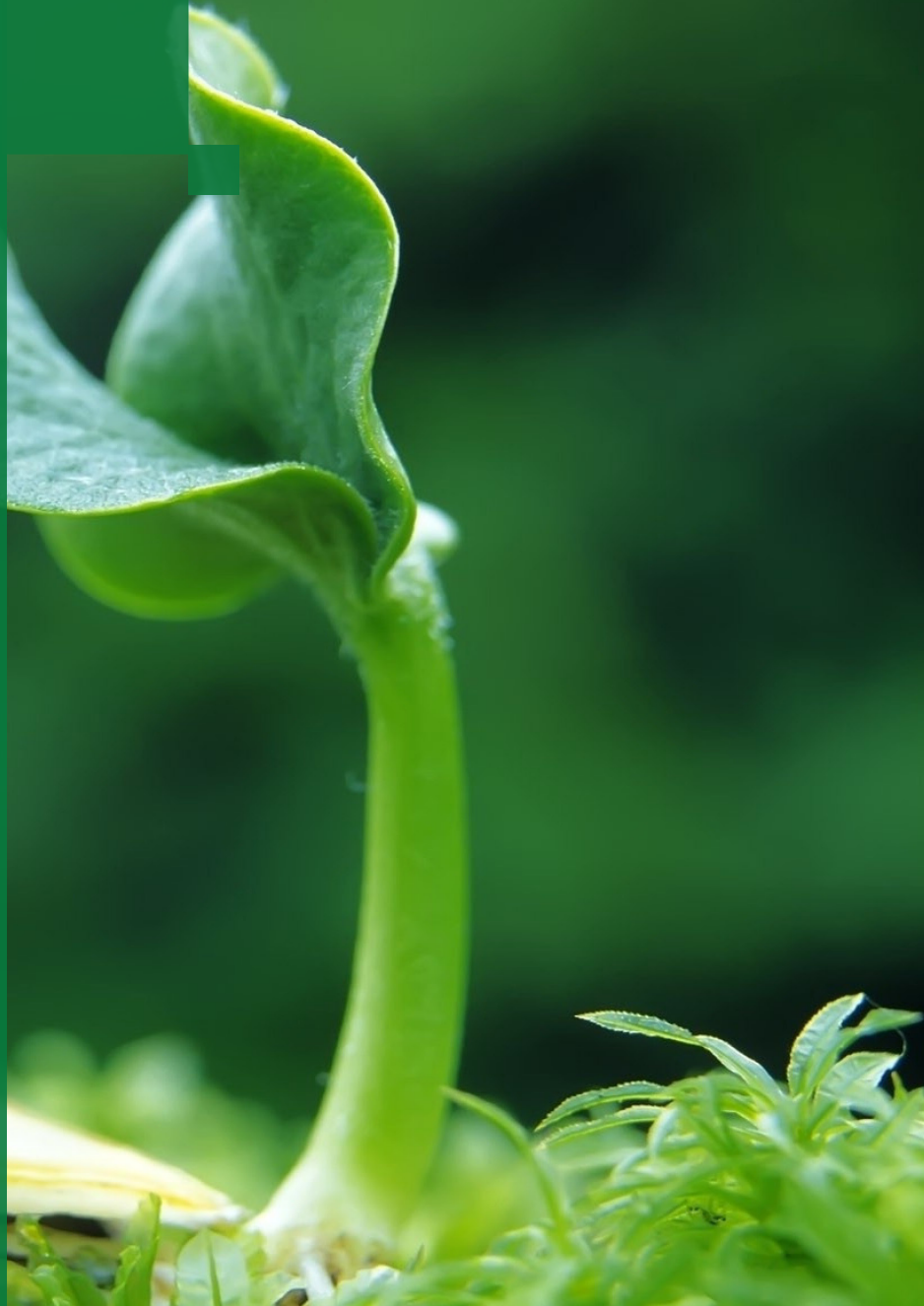




BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2016



CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị



Kính gửi: Quý cổ đông và nhà đầu tư

Năm 2016 là năm đầu cả nước thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020. Đây cũng là năm kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn dự báo, tăng trưởng thương mại toàn cầu giảm mạnh, thị trường hàng hóa kém sôi động, giá cả hàng hóa thế giới ở mức thấp. Bối cảnh toàn cầu đã ảnh hưởng đến kinh tế nước ta, nhất là hoạt động xuất nhập khẩu và thu ngân sách Nhà nước. Trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ đà khởi sắc của năm 2015, kinh tế nước ta đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức bởi diễn biến phức tạp của thời tiết, biến đổi khí hậu. Rét đậm, rét hại ở các tỉnh phía Bắc, hạn hán tại Tây Nguyên, Nam Trung Bộ và xâm nhập mặn nghiêm trọng ở Đồng bằng sông Cửu Long, bão lũ và sự cố môi trường biển tại các tỉnh miền Trung đã ảnh hưởng nặng nề đến sản xuất nông nghiệp.

Trong tình hình chung với nhiều khó khăn thách thức như vậy, năm 2016 không phải là một năm thành công đối với SSC. Do đánh giá sai thị trường nên tình hình tiêu thụ một số hàng hóa không được ổn định và tình hình thời tiết diễn biến bất thường ảnh hưởng đáng kể đến việc kinh doanh. Bên cạnh đó chất lượng của một số sản phẩm chưa đạt yêu cầu đã dẫn đến việc doanh thu hợp nhất cả năm đạt 444 tỷ đồng, hoàn thành 94,57% so kế hoạch và giảm 14,98% so với năm 2015. Năm 2016 cũng là năm Công ty đã không đạt tỷ lệ cơ cấu sản phẩm khoa học công nghệ (KHCN) dẫn đến việc nộp thuế tăng thêm 121,92% so với kế hoạch. Do đó, lợi nhuận sau thuế hợp nhất chỉ đạt 39,22 tỷ đồng, hoàn thành 59,86% kế hoạch đề ra.

Mặc dù, Công ty có một đội ngũ nghiên cứu tốt, có chuyên môn kỹ thuật cao nhưng chưa phát huy được hết thế mạnh. Công tác kinh doanh còn dự báo thiếu chính xác. Việc cập nhật thị trường chưa được nhanh nhạy và tương tác giữa Kinh doanh -

Marketing - Nghiên cứu chưa xuyên suốt dẫn đến chưa nhận biết được thị trường đầy đủ. Việc này đã ảnh hưởng nhiều đến doanh thu Công ty.

Tình hình thế giới năm 2017 dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp; kinh tế thế giới có thể tăng cao hơn năm 2016 nhưng vẫn phục hồi chậm, không đồng đều và còn nhiều rủi ro. Các hiệp định FTA thế hệ mới mở ra nhiều thuận lợi nhưng cũng đặt ra không ít khó khăn cho các doanh nghiệp Việt. SSC bắt đầu triển khai việc tái cấu trúc giai đoạn hai, tiếp tục tái cơ cấu bộ máy sao cho tinh gọn và hiệu quả hơn. Trước những cơ hội đi kèm với thách thức, Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam sẽ luôn nỗ lực hết mình, kiên định với sứ mệnh “vì cuộc sống của nhà nông”, cố gắng đổi mới và hoàn thiện từng ngày để chọn tạo, khảo nghiệm, sản xuất các loại giống năng suất cao, chất lượng tốt, chống chịu sâu bệnh và thích ứng rộng, đảm bảo các chỉ tiêu do Hội đồng quản trị đề ra, bảo toàn vốn đầu tư đồng thời tối đa hóa lợi nhuận cho Quý Cổ đông.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn trân trọng tới Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Đối tác đã luôn ủng hộ, đồng hành cùng SSC; cảm ơn toàn thể cán bộ nhân viên Công ty vì những đóng góp, sáng tạo và nỗ lực mà các bạn đã làm để cùng SSC vượt qua khó khăn và xây dựng Công ty ngày một vững mạnh hơn nữa.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÃ KÝ

LÊ THỊ LỆ HẰNG

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

01

THÔNG TIN KHÁI QUÁT
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH
VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
CÁC YẾU TỐ RỦI RO

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

03

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

04

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT,
BTGD, BKS

05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán
Báo cáo tài chính được kiểm toán





PHẦN I

THÔNG TIN CHUNG



THÔNG TIN CHUNG

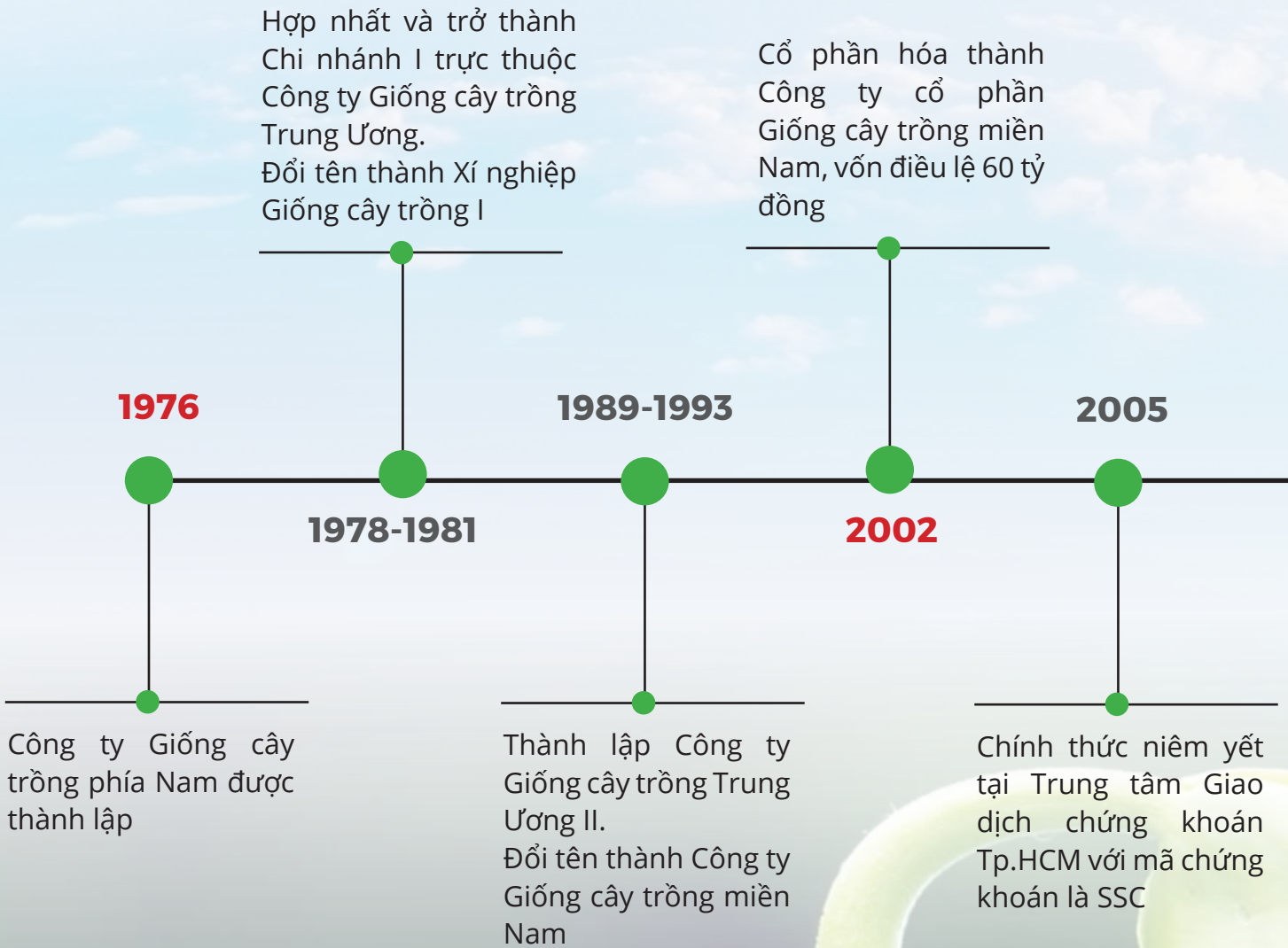


CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

Tên công ty	:	CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
Tên tiếng Anh	:	SOUTHERN SEED CORPORATION
Tên viết tắt	:	SSC
Giấy CN ĐKDN	:	Số 0302634683 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tp.HCM cấp ngày 24/6/2002, thay đổi lần thứ 8 ngày 09/01/2017
Vốn điều lệ	:	149.923.670.000 VNĐ
Địa chỉ	:	282 Lê Văn Sỹ – Phường 1 – Quận Tân Bình – TP. Hồ Chí Minh
Số điện thoại	:	(08) 3844.2414
Số fax	:	(08) 3844.2387
Website	:	www.ssc.com.vn

QUÁ TRÌNH

HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN





Phát hành 4.000.000 cổ phiếu nâng vốn điều lệ lên 100.000.000.000 đồng

Công ty được công nhận là Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ. Đồng thời thành lập chi nhánh Campuchia và chi nhánh miền Trung

Thành lập Nhà máy chế biến Trà Vinh, đón nhận huân chương Độc lập Hạng Ba

2010

2013

2015 - đến nay

2007

2012

2014

Phát hành thêm 4.499.427 cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu và 492.940 cổ phiếu ưu đãi cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Cán bộ công nhân viên, nâng vốn điều lệ lên 149.923.670.000 đồng

Thành lập văn phòng đại diện tại Lào và chi nhánh Trung tâm Giống Rau Hoa - SSC

Thành lập Phòng Marketing và Phát triển sản phẩm, sáp nhập Trung tâm Giống Rau Hoa vào Trung tâm Nghiên cứu Giống cây trồng miền Nam. Thành lập trại Giống cây trồng Tân Hiệp (Bình Dương)

 **CÁC THÀNH TÍCH**
ĐẠT ĐƯỢC CỦA SSC



1980

Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng 3 cho Công ty. Lúc đó SSC là đơn vị thành viên Công ty Giống cây trồng Trung Ương

1998-2003

Giải thưởng Bông Lúa Vàng Hội chợ Nông nghiệp Quốc tế Cần Thơ 5 năm liền

2001

Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng 1 cho Công ty

2005

Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động cho tập thể Cán bộ công nhân viên Công ty

MỘT SỐ THÀNH TÍCH QUAN TRỌNG KHÁC

- Thương hiệu Chứng khoán Uy Tín & Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam.
- Bằng khen của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, Cờ thi đua do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trao tặng.
- Được bình chọn là Hạt giống Vàng Việt Nam cấp 5 sao.
- Được cấp giấy chứng nhận Doanh nghiệp Khoa học công nghệ.
- Top 200 Forbes Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh 2013.
- Giải thưởng Doanh nghiệp Đổi mới sáng tạo.
- Giải thưởng “Sản phẩm, dịch vụ, thương hiệu tiêu biểu năm 2014.
- Nhãn hiệu nổi tiếng, nhãn hiệu cạnh tranh năm 2014.
- Giải thưởng điển hình sáng tạo nông nghiệp Việt Nam năm 2014.
- Cup vàng Top ten thương hiệu Việt - Ứng dụng KHCN lần thứ 2 năm 2014.
- Cúp vàng Tam Nông.
- Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam

2008	2013	2014	2015
<p>Cúp vàng “Thương hiệu Chứng khoán uy tín và Công ty Cổ phần hàng đầu Việt Nam”.</p> <p>Danh hiệu “Doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam – Lào – Campuchia” do Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ công nhận</p>	<p>Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Độc lập Hạng 3 cho Công ty</p>	<p>Đón nhận Huân chương Độc lập Hạng ba và Lễ khánh thành Trung tâm Giống Rau Hoa – SSC</p>	<p>Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen Doanh nghiệp đã có đóng góp tích cực Xây dựng Nông thôn mới từ năm 2010 – 2015, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (theo Quyết định số 1142/QĐ-TTg, ngày 21/07/2015)</p> <p>Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen đã có thành tích trong phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng Nông thôn mới” giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (theo Quyết định số 1687/QĐ-TTg, ngày 01/10/2015)</p> <p>SSC nhận giải thưởng Doanh nghiệp vì Nhà Nông; giải thưởng Bông Lúa Vàng; bằng khen Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn</p>

VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG



HẠT LÚA GIỐNG



HẠT GIỐNG BẮP



HẠT RAU GIỐNG



VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP

- Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại.
- Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, vật tư nông nghiệp.
- Thiết kế, chế tạo, lắp đặt, xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị chế biến hạt giống và nông sản...
- Sản xuất gia công, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật.
- Kiểm tra hạt giống cây trồng. Kiểm nghiệm và chứng nhận chất lượng giống cây trồng nông nghiệp.

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Thị trường trong nước:

Miền Nam: Tp. Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Cần Thơ, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Bình Dương, Trà Vinh
Miền Bắc và miền Trung: Hà Nội, Hưng Yên, Quảng Nam.

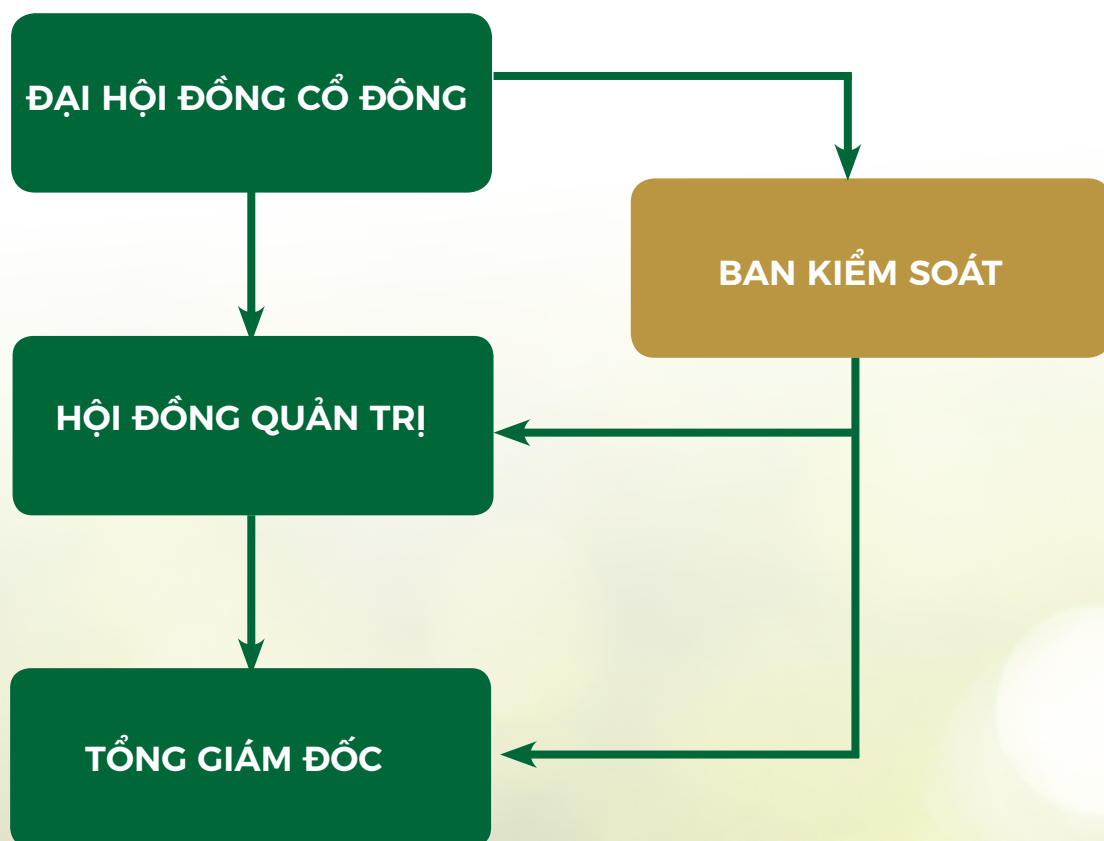
Thị trường nước ngoài:

Lào, Campuchia



SẢN PHẨM KHÁC

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo qui định của Luật Doanh nghiệp và các qui định pháp luật liên quan:

Đại hội đồng cổ đông: bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Tổng Giám đốc: Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát: Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty.

- Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam hoạt động theo mô hình quản trị được xây dựng và tổ chức hoạt động theo Luật doanh nghiệp 2014 với các thiết chế quan trọng gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc. Là một Công ty đại chúng niêm yết khá lâu trên thị trường chứng khoán, Công ty áp dụng chặt chẽ, bám sát quy định, hướng dẫn của các Quy định hiện hành về cấu trúc Hội đồng quản trị cũng như vai trò của Ban kiểm soát.
- Hiện nay, Hội đồng quản trị của Công ty gồm 04 thành viên nhiệm kỳ mới là 5 năm (2015 – 2019). Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm giám sát và chỉ đạo các mặt hoạt động của Công ty.
- Bên cạnh Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát cũng là một thiết chế quan trọng đóng vai trò kiểm tra, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc. Trong SSC, Ban kiểm soát là một cơ quan độc lập thực sự gồm 03 thành viên không phải là người có liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, hoạt động độc lập với bộ máy điều hành và có chức năng quan trọng là thực hiện công tác giám sát để bảo vệ quyền lợi cho cổ đông, bảo vệ Công ty và những người có quyền lợi liên quan đến SSC. Nhiệm kỳ hoạt động của Ban kiểm soát là 05 năm.

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty cổ phần Giống cây trồng Nam An

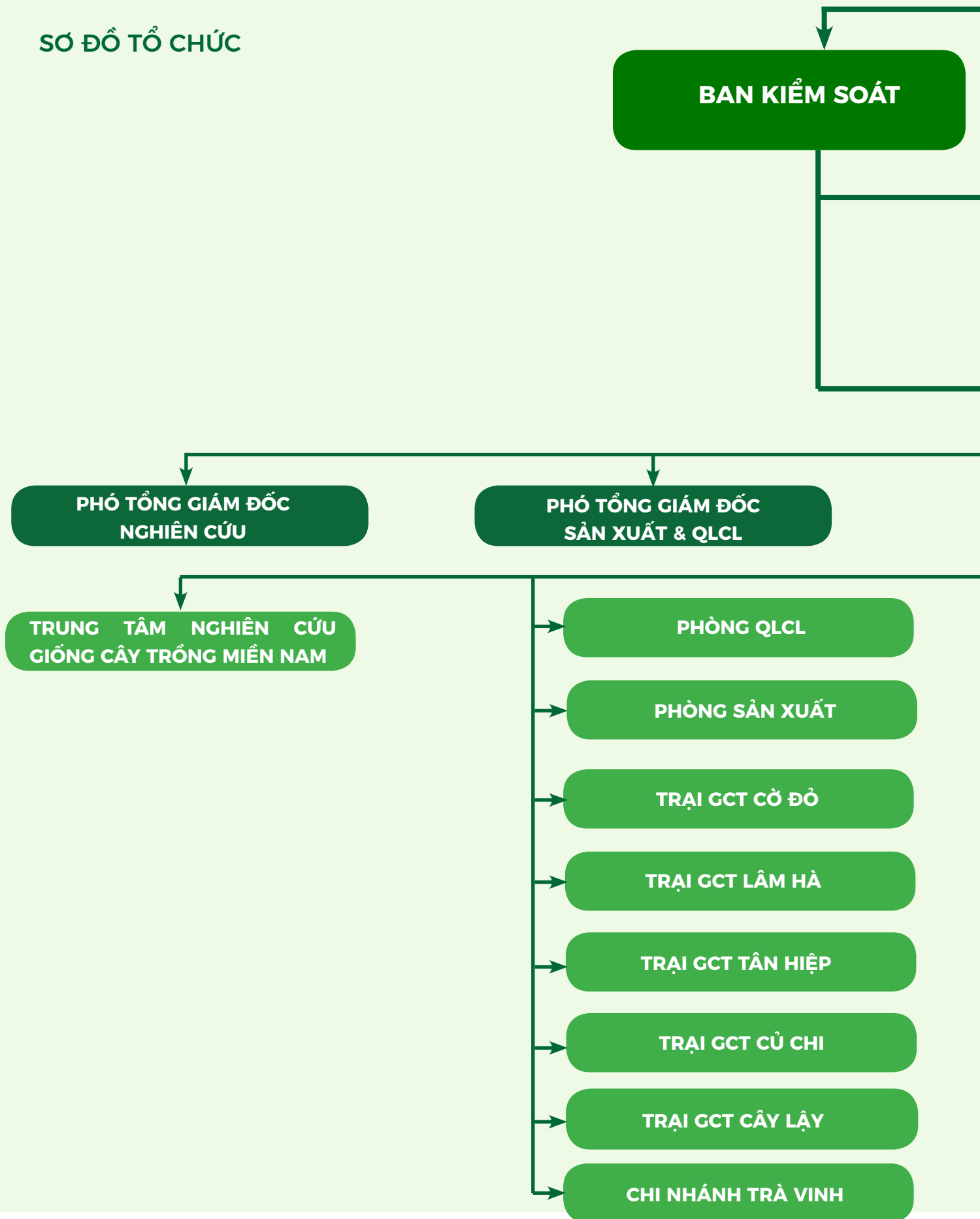
- Địa chỉ trụ sở chính: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.
- Ngành nghề kinh doanh chính: mua bán hạt giống, vật tư nông nghiệp, nông sản.
- Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng, công ty SSC sở hữu 70% vốn điều lệ.
- Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty : ông Trần Quốc Thạch.

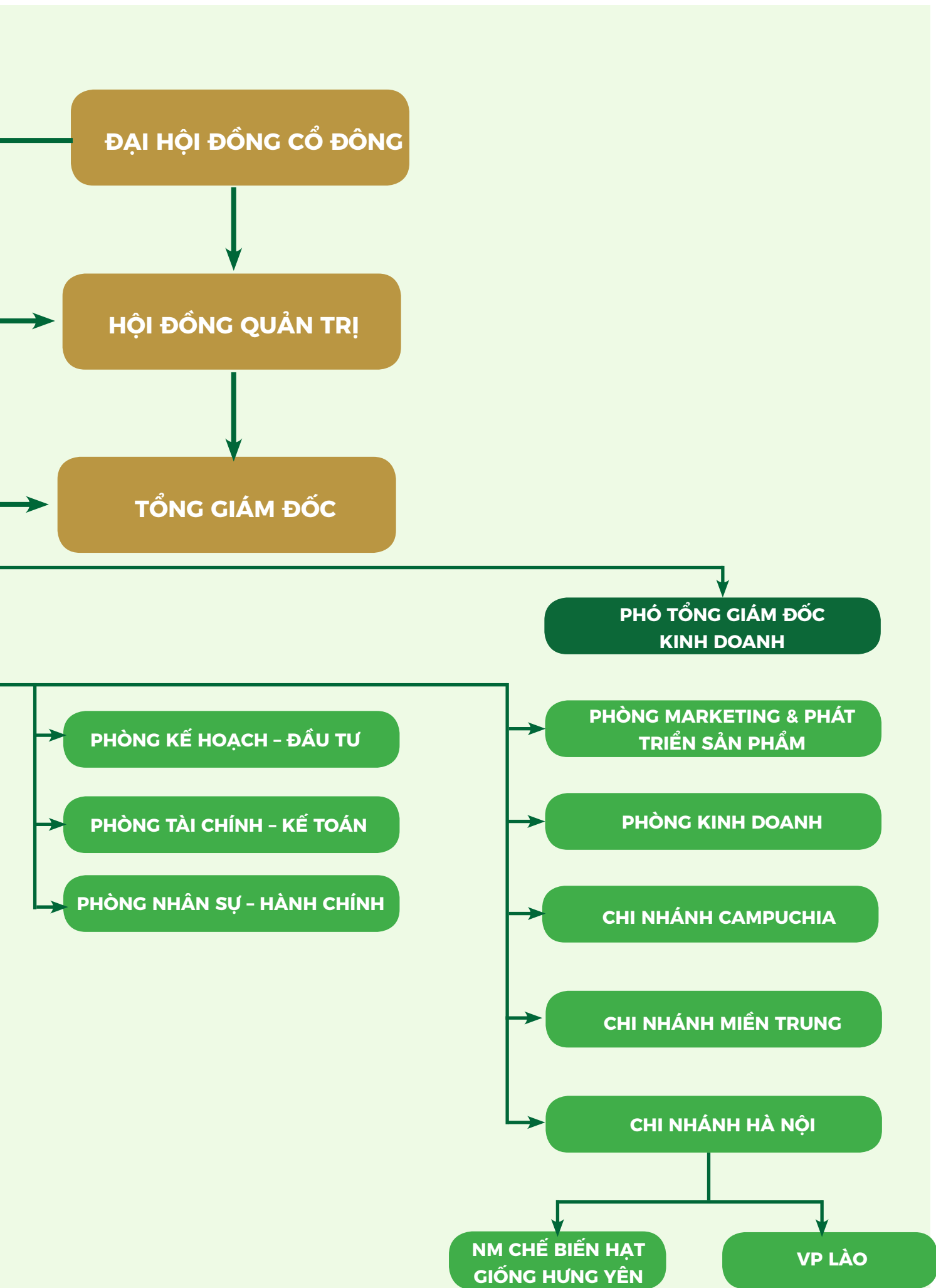
Công ty cổ phần Cơ khí Giống cây trồng miền Nam (hiện công ty đã ngừng hoạt động, đang trong quá trình làm thủ tục xin phá sản)

- Địa chỉ trụ sở chính: 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.
- Ngành nghề kinh doanh:
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp.
- Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị.
- Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp.
- Xây dựng công nghiệp, xây dựng dân dụng.
- Vốn điều lệ: 4.000.000.000 đồng, công ty SSC sở hữu 83,74% vốn điều lệ.
- Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty: ông Lê Thế Ngọc.

QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC





PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Duy trì tốc độ tăng trưởng dương.
- Tập trung phát triển sản phẩm mới:
- Bắp nếp: CX 247 (đến 2020: 183 tấn)
- Bắp vàng: P2P (đến 2020: 362 tấn), C919 (đến 2020: 239 tấn).
- Lúa lai: KC06-1 (đến 2020: 625 tấn), Nam ưu 209KBL (đến 2020: 239 tấn), Nam ưu 604KBL (đến 2020: 93 tấn).
- Lúa thuần: Đài thơm 8 (đến 2020: 5.350 tấn), Kim Cương 111 (đến 2020: 1.000 tấn), Bắc Thơm 7 (đến 2020: 273 tấn).
- Doanh thu tăng trưởng bình quân: hơn 10% (tỷ lệ sản phẩm độc quyền đến 2020 là 45%).
- Lợi nhuận biên (lãi gộp): trên 30%
- Chi phí bán hàng: tối đa 8% trên doanh thu thuần hàng năm;
- Chi phí quản lý: tối đa 8% trên doanh thu thuần hàng năm.
- Mục tiêu thị phần:
- Chi phối thị trường ngô nếp, tăng sản phẩm lúa thuần ở ĐBSCL
- Phát triển lúa lai nội địa và giảm dần lúa lai nhập khẩu; phát triển các sản phẩm rau lai.

01

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Tiếp tục củng cố và phát triển tất cả các mặt hoạt động của công tác quản trị nguồn nhân lực để có thể đảm bảo đầy đủ số lượng và chất lượng đối với đội ngũ cán bộ, nhân viên nhằm thực hiện thành công kế hoạch SXKD 5 năm (2016 – 2020).
- Tập trung hoàn thành dự án “Tái cấu trúc và xây dựng mô hình quản trị công ty” trong năm 2017; từng bước điều chỉnh chính sách tiền lương phù hợp yêu cầu phát triển của Công ty; tăng cường sử dụng các chế độ khoán, thưởng một số hoạt động nhằm động viên CBNV kịp thời.
- Điều chỉnh chiến lược nghiên cứu phát triển một số sản phẩm chủ yếu; đẩy nhanh tiến độ công nhận giống mới theo dự án; đầu tư đủ nhân lực, cơ sở vật chất để tăng cường ứng dụng công nghệ sinh học hỗ trợ hoạt động chọn tạo giống.
- Củng cố công tác hoạch định kế hoạch sản xuất kinh doanh của SSC, từ đó xác lập kế hoạch, mục tiêu, chỉ tiêu cho các hoạt động, các đơn vị của Công ty.
- Đầu tư nâng cấp, đổi mới thiết bị, xây dựng mở rộng cơ sở vật chất kho tàng, máy móc thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu, sản xuất – chế biến – bảo quản và công tác quản lý.
- Củng cố và mở rộng các vùng nguyên liệu có điều kiện sinh thái phù hợp để sản xuất hạt giống bắp lai, lúa lai và hạt giống rau.
- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án liên doanh với công ty Daewon để tăng lợi nhuận.
- Triển khai công tác kế toán quản trị và kiểm soát nội bộ nhằm ngăn ngừa và hạn chế các rủi ro trong toàn Công ty và các công ty con.

02



ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

Quy trình sản xuất sản phẩm hạt giống, không gây ô nhiễm và thân thiện với môi trường.

ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty đặc biệt quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động trong Công ty, tạo môi trường làm việc thân thiện, xanh, sạch. Tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành đối với người lao động. Đặc biệt, Công ty luôn đặt sự an toàn sản xuất lên hàng đầu, đảm bảo người lao động được trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động cần thiết trong quá trình sản xuất.

ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG

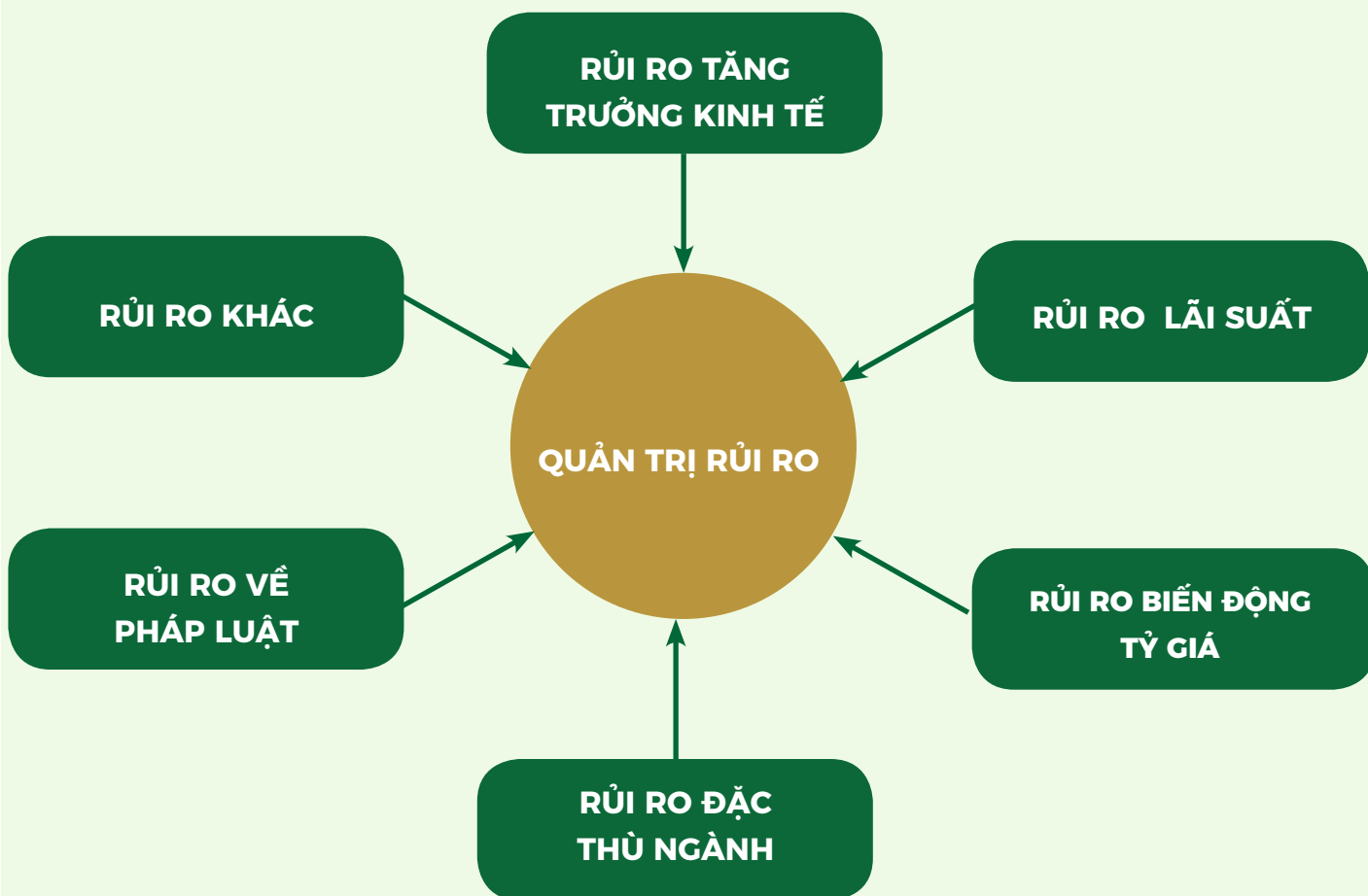
Khách hàng của SSC là người nông dân, do đó, Công ty luôn tiếp cận sâu sát, hướng hoạt động sản xuất của Công ty đến nhu cầu chung của người nông dân, làm người bạn đồng hành cùng nông dân qua mỗi mùa vụ...

ĐỐI NHÀ ĐẦU TƯ, CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU

SSC luôn công khai minh bạch thông tin theo đúng các quy định của luật chứng khoán, thị trường chứng khoán cũng như đáp ứng thông tin được truyền tải đầy đủ đến Nhà đầu tư.

SUCCESS

RỦI RO



RỦI RO VỀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Đã tăng trưởng của nền kinh tế có dấu hiệu giảm tốc từ đầu năm 2016 được phản ánh bởi một loạt các chỉ số như tăng trưởng GDP thấp, lạm phát có xu hướng tăng, song các cân đối vĩ mô vẫn được giữ vững khi tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán ổn định. Kết thúc năm 2016, tăng trưởng GDP Việt Nam không đạt mục tiêu 6,7% đã đề ra, đạt mức 6,21% so với năm 2015. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,36%, thấp nhất kể từ năm 2011 trở lại đây; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,57%, thấp hơn mức tăng 9,64% của năm trước; khu vực dịch vụ tăng 6,98%. Nền nông nghiệp năm 2016 chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực từ thiên tai, ô nhiễm môi trường cụ thể như rét đậm rét hại ở miền Bắc, thảm họa môi trường Formosa ở miền Trung và xâm nhập mặn ở

miền Nam, thêm vào đó thị trường xuất khẩu nông lâm thủy sản phải đối mặt với các rào cản thương mại ngày càng phức tạp và khắt khe hơn.

Mặc dù, Mỹ đã tuyên bố rút khỏi TPP, Việt Nam vẫn còn cơ hội với các hiệp định thương mại khác và tiến trình toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng. Với xu thế ấy, cạnh tranh là điều không thể tránh khỏi. Lĩnh vực nông nghiệp cũng không ngoại lệ, nông sản phải không ngừng nâng cao chất lượng, thương hiệu mới có thể giữ được thị phần.

Hoạt động của SSC giữ vai trò rất quan trọng trong việc gieo trồng nông sản, chính vì vậy Công ty luôn cần nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung cấp, phát triển thêm các giống sản phẩm mới để đáp ứng tốt yêu cầu của ngành từ đó có thể thực hiện được kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

RỦI RO VỀ BIẾN ĐỘNG LÃI SUẤT

Mặt bằng chung lãi suất năm 2016 được giữ ổn định do quyết tâm của Ngân hàng Nhà nước mặc dù trong năm có diễn biến tăng giảm qua từng quý. Đối với các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thông thường, lãi suất được áp dụng là 6,8-9%/năm (ngắn hạn), 9,3-11%/năm (trung và dài hạn).

Trong năm 2016, bình quân giá trị khoản vay của SSC tương đương 12% tổng giá trị tài sản, chi phí tài chính chiếm khoảng 14,44% tổng lợi nhuận sau thuế. Với diễn biến lãi suất ổn định, thêm vào đó Công ty đã lập kế hoạch vay và trả nợ khi sử dụng đòn bẩy tài chính, chi phí lãi vay cũng như khả năng tiếp cận các khoản vay trong ngắn hạn sẽ không gây nhiều áp lực đối với SSC, ảnh hưởng từ lãi suất đến kết quả kinh doanh của Công ty được đánh giá là không đáng kể.

RỦI RO VỀ BIẾN ĐỘNG TỶ GIÁ

Ảnh hưởng từ Brexit, đồng bảng Anh và Euro trên thị trường tiền tệ mất giá; qua lần tăng lãi suất của FED làm cho đô la Mỹ tăng giá mạnh. Biến động này ảnh hưởng đến thu, chi ngoại tệ từ những giao dịch với các thị trường khác trong ASEAN và ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu của Công ty. Thị trường tài chính tại Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển, các công cụ tài chính bảo hiểm rủi ro tỷ giá vẫn đang được hoàn thiện. Do đó, Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh toán.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố như quy hoạch kinh tế vùng, cơ cấu cây trồng, thời tiết, dịch bệnh, những điều này tác động trực tiếp đến mức tiêu thụ sản phẩm của SSC.

Nguyên vật liệu: Với bình quân tỷ trọng chi phí nguyên vật liệu chiếm khoảng 75% tổng chi phí sản xuất kinh doanh và tương đương

khoảng 60% doanh thu thuần của Công ty thì bất cứ biến động nào của giá cả, chất lượng nguyên vật liệu đầu vào đều ảnh hưởng mạnh đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của SSC. Về nguyên vật liệu chính của Công ty là hạt giống, là một Công ty hoạt động lâu đời, thiết lập và duy trì mối quan hệ khá dài và bền vững với các nhà cung cấp thông qua các hợp đồng cung ứng dài hạn; thêm vào đó là tốc độ tăng giá hạt giống đầu vào luôn ở hợp lý. Nhờ đó, việc tăng giá cả nguyên vật liệu không phải là thách thức lớn đối với Công ty.

Thời tiết: Thời tiết, khí hậu đóng vai trò đặc biệt ảnh hưởng đến năng suất, tiến độ tăng trưởng của cây trồng, gồm một số hiện tượng điển hình: (1) Sương giá: mang hàm lượng muối lớn, gây cháy lá, rụng lá ảnh hưởng sự tăng trưởng cây trồng. (2) Hạn hán, xâm nhập mặn, mưa, bão cũng ảnh hưởng không tốt đến năng suất, sự phát triển của cây trồng. Hiện nay trong cả nước, tình hình diễn biến khí hậu đang diễn ra khá phức tạp, khó lường, đặc biệt khó khăn cho hoạt động sản xuất trồng trọt.

Sâu bệnh: Hiện tượng cây trồng bị các loại sâu, rệp, mối, ve sầu, v.v...gây hại ở thân, rễ, lá hạn chế khả năng sinh trưởng hoặc hủy hoại cây. Tình hình sâu bệnh đang phát sinh và gây hại ngày càng đa dạng, phức tạp, ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng và chất lượng giống cây trồng.

Xu hướng diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp: sự phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong những năm gần đây và cũng là xu hướng trong tương lai dẫn đến sự thu hẹp dần của diện tích đất nông nghiệp. Bình quân mỗi năm cả nước mất đi 7.000 ha diện tích đất trồng lúa. Do đó, việc duy trì được diện tích 3,81 triệu ha đất trồng lúa đến năm 2020 theo như quy hoạch là khó khăn, thách thức khá lớn.



RỦI RO (TT)

RỦI RO VỀ THỊ TRƯỜNG

Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường rất gay gắt giữa các công ty giống trong và ngoài nước về chính sách kinh doanh, giá cả, thị phần, công nghệ hạt giống ảnh hưởng đến việc phát triển các loại sản phẩm hạt giống của công ty. Trong nước hiện có hơn 200 công ty sản xuất và phân phối hạt giống cây trồng, các công ty đa quốc gia (Monsanto, Syngenta, CP...) với tiềm lực mạnh về vốn, công nghệ, nhân lực và quản trị công ty sẽ là những đối thủ cạnh tranh hàng đầu và thực hiện chiến lược mua bán & sáp nhập các công ty giống trong thời gian tới. Bên cạnh đó các công ty hạt giống trong nước (NSC, TSC, AGPPS) cũng đang phát triển mạnh chia sẻ thị phần, gây áp lực giảm giá bán ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận.

RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Là một Công ty Cổ phần, hoạt động của SSC chịu sự chi phối trực tiếp của các văn bản pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Nghị định, Thông tư, Công văn hướng dẫn liên quan. Luật và các văn bản dưới luật tại Việt Nam trong quá trình hoàn thiện, khi có sự thay đổi sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, việc áp dụng pháp luật vào thực tế cuộc sống còn nhiều bất cập, tính thực thi không cao, do vậy sẽ ảnh hưởng tới công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn. Cụ thể là các chính sách về thay đổi cơ cấu, chuyển đổi giống cây trồng đã ảnh hưởng đến tâm lý nông dân cũng như tác động gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc hoạch định chiến lược, chính sách kinh doanh, thiết lập mạng lưới phân phối sản phẩm và hệ thống bán hàng. Do vậy, Ban lãnh đạo công ty cần chủ động cập nhật, nắm bắt những thay đổi trong chính sách và pháp luật để đề ra kế hoạch kinh doanh và định hướng phù hợp với tình hình.



RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro nêu trên, một số rủi ro bất khả kháng ít khi xảy ra nhưng một khi phát sinh thì thường gây thiệt hại lớn cả về người và tài sản cho công ty như: thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn... Với phương châm hoạt động thận trọng, SSC đã mua bảo hiểm tài sản (nhà xưởng, hàng hóa, phương tiện vận tải...) và bảo hiểm tai nạn đối với người lao động nhằm hạn chế phần nào những rủi ro khách quan nói trên.



PHẦN II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



“
**TÌNH HÌNH HOẠT
ĐỘNG SẢN XUẤT
KINH DOANH**”



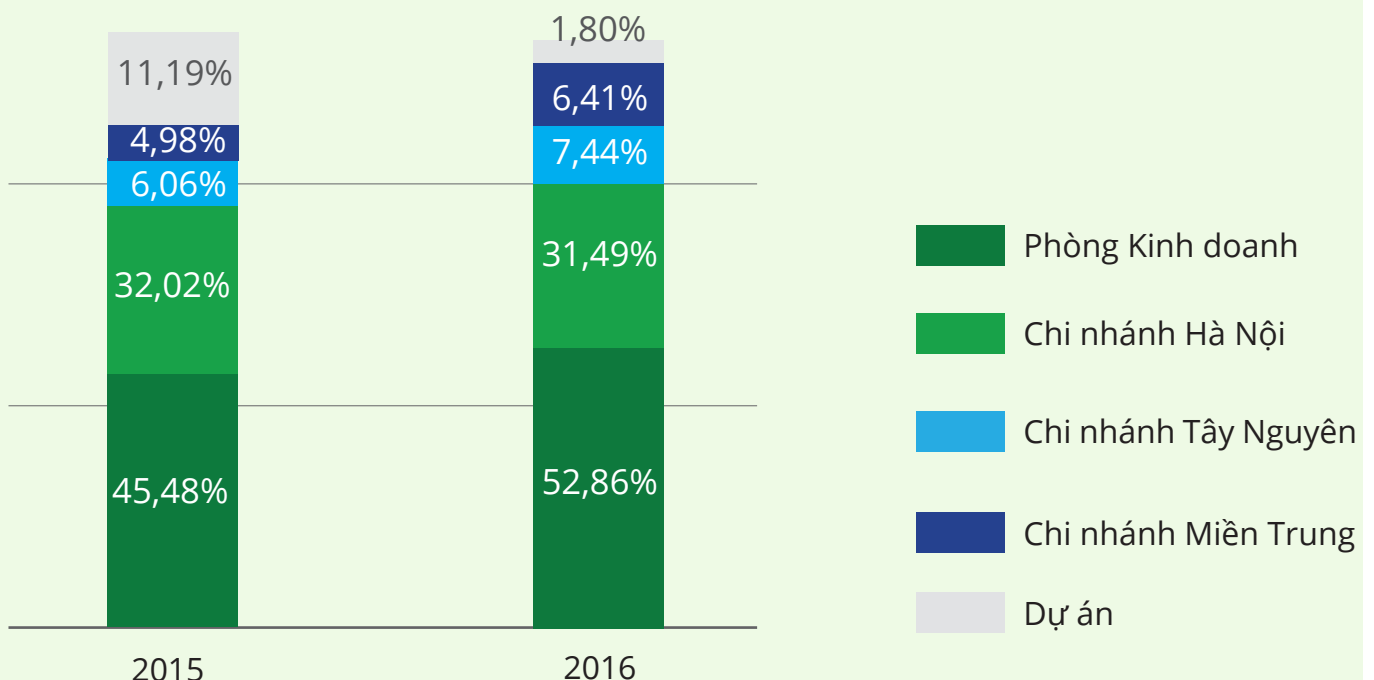
Năm 2016, ngành Nông nghiệp gặp nhiều khó khăn khi diễn biến thời tiết phức tạp từ đợt rét đậm rét hại đầu năm tại các tỉnh miền Bắc và Bắc Trung Bộ, hạn hán trên diện rộng và xâm nhập mặn kéo dài ở các tỉnh miền Nam đến những đợt mưa lũ liên tục trong những tháng cuối năm tại các tỉnh miền Trung, điều này đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả sản xuất nông nghiệp tại các địa phương. Địa bàn hoạt động kinh doanh của SSC trải rộng khắp cả nước, do vậy chịu ảnh hưởng nghiêm trọng từ những thiên tai này. Kết thúc năm 2016, doanh thu thuần đạt 443.955 triệu đồng, giảm 14,98% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá vốn hàng bán năm 2016 giảm 53.384 triệu đồng so với năm 2015, tương đương mức giảm 14,34%. Lợi nhuận sau thuế và EPS đồng thời giảm xuống lần lượt là 22,89% và 25,51%.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2015	2016	Tăng/Giảm 2016
1	Doanh thu thuần	522.148,02	443.955,24	-14,98%
2	Giá vốn hàng bán	365.383,77	312.999,73	-14,34%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	1.020,18	2.397,95	135,05%
4	Chi phí tài chính	3.727,59	5.164,06	38,54%
5	Chi phí bán hàng	52.343,60	47.171,21	-9,88%
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	45.294,39	36.217,98	-20,04%
7	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	56.418,84	44.800,21	-20,59%
8	Lợi nhuận khác	3.113,44	106,83	-96,57%
9	Lợi nhuận trước thuế	59.532,28	44.907,04	-24,57%
10	Lợi nhuận sau thuế	46.393,10	35.774,21	-22,89%
11	EPS	2.952	2.199	-25,51%

Cơ cấu doanh thu theo trung tâm kinh doanh

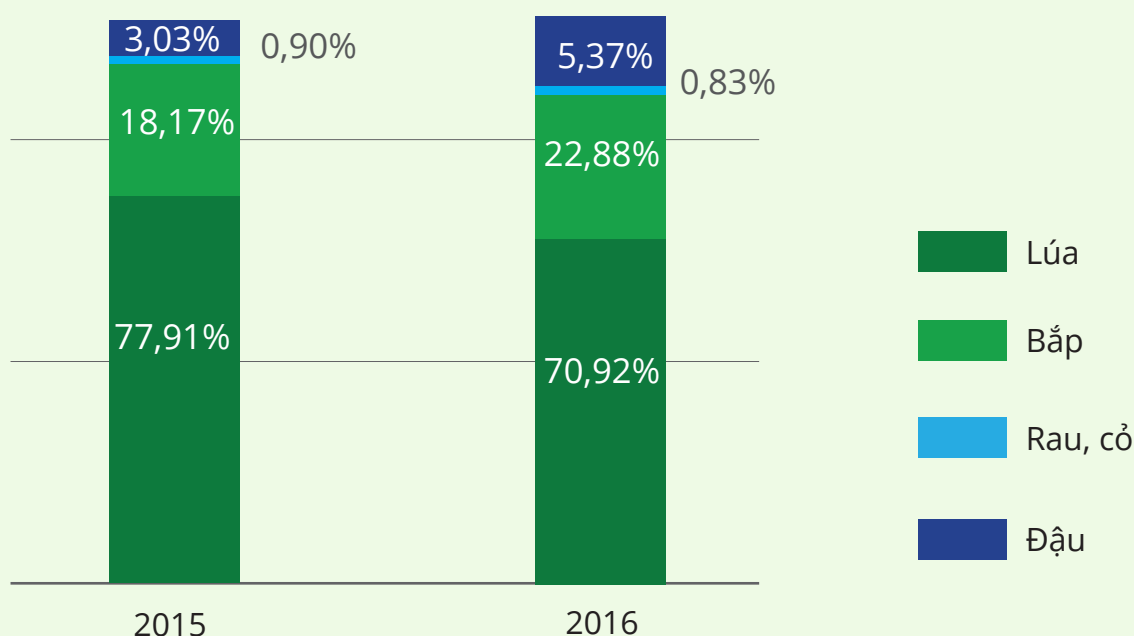


HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

CƠ CẤU DOANH THU THEO TRUNG TÂM KINH DOANH

Cơ cấu doanh thu theo trung tâm kinh doanh qua 2 năm 2015 và 2016 không có sự thay đổi nhiều, dẫn đầu vẫn là doanh thu từ Phòng Kinh doanh, kế đến là doanh thu từ chi nhánh Hà Nội, xếp thứ 3 là doanh thu từ các dự án. Trong năm 2016, doanh thu từ Phòng Kinh doanh, từ dự án và từ chi nhánh miền Trung có chung xu hướng tăng mới mức tăng lần lượt là 6,43%, 1,76% và 2,32%. Bên cạnh đó, giá trị đóng góp vào tổng doanh thu năm 2016 của chi nhánh Hà Nội giảm mạnh 8,88%, chi nhánh Tây Nguyên giảm 1,62%.

Cơ cấu sản lượng tiêu thụ theo nhóm sản phẩm



Sản lượng tiêu thụ theo nhóm sản phẩm năm 2016 vẫn giữ nguyên cơ cấu với lượng tiêu thụ chính từ các giống Lúa, theo sau là các giống Bắp. Đậu và Rau, củ không đóng góp nhiều vào sản lượng tiêu thụ.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU, KẾ HOẠCH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2016	Thực hiện/ Kế hoạch
1	Doanh thu thuần	443.955,24	469.468,00	94,57%
2	Lợi nhuận trước thuế	44.907,04	70.070,00	64,09%
3	Lợi nhuận sau thuế	35.774,21	65.523,00	54,60%

Với nhiều biến động từ tình hình kinh tế vĩ mô cùng diễn biến thất thường của thời tiết, năm qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã không đạt mức kế hoạch đề ra. Cụ thể, doanh thu thuần đạt 443,96 tỷ đồng hoàn thành 94,57% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế đạt 35,774 tỷ đồng hoàn thành 54,60% kế hoạch đề ra.



THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL
1	Ông Bùi Quang Sơn	Tổng Giám Đốc	0	0%
2	Ông Lê Minh Chánh	Phó Tổng Giám đốc	2,116	0,01%
3	Ông Trịnh Minh Hợp	Phó Tổng Giám đốc	0	0%
4	Ông Lê Quang Hồng	Kế toán trưởng	16	0%

Những thay đổi trong Ban điều hành

Trong năm 2016, Ban điều hành có sự thay đổi như sau:

1. Ông Dương Thành Tài chức danh Phó TGD nghỉ hưu ngày 01/08/2016
2. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn chức danh Phó TGD nghỉ việc theo nguyện vọng ngày 07/11/2016
3. Ông Lê Tôn Hùng chức danh Kế toán trưởng nghỉ việc theo nguyện vọng ngày 10/11/2016
4. Bổ nhiệm ông Bùi Quang Sơn, Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh từ ngày 12/10/2016
5. Bổ nhiệm ông Lê Quang Hồng giữ chức vụ Quyền Kế toán trưởng ngày 15/11/2016
6. Miễn nhiệm ông Hàng Phi Quang chức danh TGD theo nguyện vọng ngày 01/01/2017
7. Bổ nhiệm ông Bùi Quang Sơn giữ chức vụ Quyền TGD ngày 01/01/2017
8. Bổ nhiệm ông Lê Minh Chánh giữ chức vụ Phó TGD ngày 01/01/2017
9. Bổ nhiệm ông Trịnh Minh Hợp giữ chức vụ Phó TGD ngày 01/01/2017



CƠ CẤU LAO ĐỘNG

Cơ cấu lao động tính đến ngày 31/12/2016

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	261	100,00%
1.	Trình độ trên đại học	15	5,75%
2.	Trình độ đại học	137	52,49%
3.	Trình độ cao đẳng, trung cấp	59	22,61%
4.	Công nhân kỹ thuật	34	13,03%
5.	Lao động phổ thông	16	6,13%
B	Theo bộ phận	261	100%
1	Bộ phận trực tiếp	191	73,18%
2	Bộ phận gián tiếp	70	26,82%

CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

CÁC CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ đối với người lao động theo quy định của Pháp luật (BHXH, BHYT, BHTN theo tiền lương thực nhận), duy trì các hoạt động tổ chức đoàn thể (Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên). Ngoài ra Công ty còn thực hiện tốt các chính sách liên quan người lao động như Bảo hiểm Tai nạn con người (24/24), khám sức khỏe định kỳ, duy trì trợ cấp nghỉ việc cho các cán bộ hưu trí, nâng lương, thưởng định kỳ các ngày Lễ trong năm; xét thưởng thi đua 6 tháng một lần, tham quan du lịch, CBNV được tham gia các chương trình đào tạo trong và ngoài nước.

ĐỊNH HƯỚNG

Tiếp tục thay đổi mạnh mẽ hơn, các vị trí quản lý không đáp ứng thì chuyển công tác, thay thế hoặc luân chuyển. Xây dựng chế độ tiền lương, phúc lợi để khuyến khích/thu hút cấp lãnh đạo/quản lý. Tiếp tục đào tạo, quy hoạch nhóm cán bộ kế thừa để chuẩn bị nguồn lực thay thế cho các năm sau theo yêu cầu phát triển.



ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án đầu tư	Đầu tư sửa chữa lớn và XDCB			Bảo trì thiết bị		Tổng cộng thực hiện
		Kế Hoạch	TH 6ĐN	TH 6TCN	TH 6ĐN	TH 6TCN	
1	Trại GCT Cờ Đỏ	-		45,10	276,73		321,83
2	Trại GCT Lâm Hà	-		73,05	10,14		83,19
3	Trại Tân Hiệp	-			36,56		36,56
4	Trạm GCT Củ Chi	-	88,82		309,52		398,34
5	Trạm GCT Cai Lậy	-			47,75		47,75
6	Chi nhánh Hà Nội	2.286,01		1.630,84			1.630,84
7	Chi nhánh Miền Trung	-					-
8	Chi nhánh Tây Nguyên	425,00	488,22		41,13		529,35
9	Nhà máy Trà Vinh	-		9,79			9,79
10	TT Nghiên cứu GCT Miền Nam (SRC)	-					-
11	Trụ sở chính Công ty	1.000,00	808,75				808,75
Tổng cộng		3.711,01	1.385,79	1.758,78	721,83		3.866,40

Tổng chi phí sửa chữa lớn, mua sắm của các đơn vị trên toàn Công ty trong năm 2016 là 3.144,57 triệu đồng bằng 84,74% so với kế hoạch.

Công tác bảo trì thiết bị sầy chế biến, bảo quản đã kết thúc trong 6 tháng đầu năm 2016 với chi phí 721,83 triệu đồng.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN:

Khu đất An Nhơn Tây, Củ Chi: Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM đã trình hồ sơ sang UBND TP.HCM để xem xét và quyết định.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CON

Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam (SSE)

Hiện tại, SSE đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình hoàn tất hồ sơ cần thiết để xin phá sản theo quy định hiện hành. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty nắm giữ 83,74% phần vốn chủ sở hữu trong SSE.

CTCP Giống cây trồng Nam An (NAS)

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016
Tổng doanh thu	Đồng	19,020,341,400
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	512,888,944
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	322,345,052



TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2015	2016	Tăng / giảm 2016
1	Tổng tài sản	501.293,27	397.568,41	-20,69%
2	Doanh thu thuần	522.148,02	443.955,24	-14,98%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	56.418,84	44.800,21	-20,59%
4	Lợi nhuận khác	3.113,44	106,83	-96,57%
5	Lợi nhuận trước thuế	59.532,28	44.907,04	-24,57%
6	Lợi nhuận sau thuế	46.393,10	35.774,21	-22,89%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	2015	2016
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,62	5,86
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,99	3,13
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	28,41%	12,46%
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	39,69%	14,24%
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay Hàng tồn kho	Vòng	1,74	1,73
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản (bình quân)	Vòng	1,02	0,99
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	8,89%	8,06%
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (bình quân)	%	12,92%	10,12%
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (bình quân)	%	9,06%	7,96%
4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	10,81%	10,09%



TÀI CHÍNH (TT)



VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Trong thời gian qua, hệ số thanh toán của công ty đều có xu hướng tăng, đặc biệt hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2016 tăng đạt 5,86 lần trong khi hệ số thanh toán nhanh cũng ở mức cao 3,13 lần. Trong năm, Công ty đã thực hiện thanh toán hầu hết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng làm cho giá trị nợ ngắn hạn giảm xuống, dẫn đến các hệ số về khả năng thanh toán tăng mạnh. Công ty chủ động duy trì hệ số thanh toán ở mức an toàn nhằm đảm bảo khả năng thanh toán, đồng thời duy trì lượng tài sản ngắn hạn phù hợp cho mục đích sản xuất kinh doanh, không gây lãng phí. Công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn cũng như quản lý tốt lượng hàng tồn kho.



VỀ CƠ CẤU VỐN

Công ty đang có xu hướng không sử dụng quá nhiều đòn bẩy tài chính, thể hiện ở việc tỷ trọng nợ trên tổng tài sản giảm dần trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2015, trong năm 2016 Công ty tiếp tục duy trì xu hướng này, cơ cấu nợ trên tổng tài sản giảm còn 12,46% và nợ trên vốn chủ sở hữu còn 14,24% trong đó chủ yếu là các khoản nợ ngắn hạn. Chính sách duy trì nợ vay trên tổng tài sản như hiện tại sẽ góp phần giảm thiểu áp lực trả nợ và lãi vay cho công ty.



VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Vòng quay hàng tồn kho giảm không đáng kể so với năm 2015, đạt mức 1,73 vòng, chủ yếu do trong năm 2016, giá trị hàng tồn kho giảm mạnh 42,45% so với cùng kỳ; Với chỉ tiêu Doanh thu thuần trên tổng tài sản bình quân, do trong năm đều có sự sụt giảm về tổng tài sản lẫn doanh thu thuần dẫn đến chỉ tiêu này cũng sụt giảm còn 0,99 vòng.



VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Năm qua do hoạt động khó khăn, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch đã đề ra dẫn đến các chỉ tiêu đo lường khả năng sinh lời đều thấp hơn so với năm 2015. Trong đó, hai chỉ tiêu ROE và ROA giảm nhiều nhất lần lượt giảm 2,80% và 1,10% xuống còn 10,12% và 7,96%. Chỉ tiêu biên lợi nhuận thuần từ HĐKD và biên lợi nhuận sau thuế giảm không đáng kể lần lượt là 10,09% và 8,06%..

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ phần (không có thay đổi)

Cổ phần phổ thông: 14.992.367 cổ phần

Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần

Số lượng cổ phần đang lưu hành: 14.930.955 cổ phần

Cổ phiếu quỹ: 61.412 cổ phần

Mệnh giá: 10.000 VNĐ

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG NĂM 2016

STT	Loại cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Cá nhân trong nước	717	2,315,132	15.44%
2	Cá nhân nước ngoài	134	164,355	1.10%
3	Tổ chức trong nước	27	12,465,124	83.14%
4	Tổ chức nước ngoài	6	47,756	0.32%
Tổng cộng		884	14,992,367	100.00%
1	CD sở hữu trên 5%	2	12,016,710	80.15%
2	CD sở hữu từ 1% đến 5%	3	712,946	4.76%
3	CD sở hữu dưới 1%	879	2,262,711	15.09%
Tổng cộng		884	14,992,367	100.00%

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu: Trong năm 2016, Công ty không thực hiện tăng vốn điều lệ.

Các giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng CP	Tỷ lệ (%)
Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung Ương	0101449271	Số 1 Lương Định Của, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	9.236.730	61,61%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	19/UBCK/GP	Tầng 5, Số 01 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	2.779.980	18,54%

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

“ SSC TIN RẰNG VỚI QUYẾT TÂM VÌ MỤC TIÊU CHẤT LƯỢNG VÀ DỊCH VỤ CUNG ỨNG HẠT GIỐNG TỐT NHẤT ĐỂ MANG ĐẾN NHIỀU CƠ HỘI TỐT ĐẸP CHO CUỘC SỐNG CỦA NÔNG DÂN, CÔNG TY SẼ NGÀY CÀNG KHẮNG ĐỊNH VỊ THỂ CỦA MÌNH CŨNG NHƯ TẠO DỰNG MỘT THƯƠNG HIỆU BỀN VỮNG, GẮN BÓ LÂU DÀI VỚI NHÀ NÔNG. LÃNH ĐẠO VÀ CÁN BỘ NHÂN VIÊN SSC LÀ NHỮNG CON NGƯỜI YÊU NGHỀ, LUÔN CAM KẾT THEO ĐUỔI CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM”

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG, NƯỚC

Để phục vụ cho hoạt động sản xuất giống cây trồng, Công ty đã sử dụng các loại nguyên liệu, vật liệu sau:

- Củi trấu: 482.726 kg;
- Xăng (dùng cho sấy, chế biến bảo quản hạt giống): 621 lít;
- Dầu DO: 32.948 lít;
- Điện: 1.302.438 Kwh.

Với đặc thù ngành sản xuất giống cây trồng, lượng nước mà Công ty sử dụng tương đối lớn. Tổng lượng nước mà Công ty đã sử dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt cụ thể như sau:

- Tại Trại Tân Hiệp, Phú Giáo (Bình Dương): 24.000 m³;
- Tại Trung tâm nghiên cứu (TP. HCM): 79.638 m³.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Với phương châm hoạt động “Vì cuộc sống nhà nông”, SSC kiên định hướng tầm nhìn, sứ mệnh và lựa chọn mục tiêu dài hạn, phạm vi hoạt động rộng khắp nhằm từng bước tạo dựng vị thế của một trong ba Công ty ngành giống hàng đầu Việt Nam. Công ty hướng đến sự bền vững để phát triển, chung tay xây dựng một nền nông nghiệp gắn liền với hiện

đại hóa, công nghiệp hóa, ngay từ đầu đã xây dựng theo mô hình nghiên cứu – sản xuất và cung ứng tiên tiến, và đã thực sự trở thành một doanh nghiệp ngành giống có lịch sử gắn bó lâu dài với sự phát triển của ngành nông nghiệp và cuộc sống của người dân.

SSC tin rằng với quyết tâm vì mục tiêu chất lượng và dịch vụ cung ứng hạt giống tốt nhất để mang đến nhiều cơ hội tốt đẹp cho cuộc sống của nông dân, Công ty sẽ ngày càng khẳng định vị thế của mình cũng như tạo dựng một thương hiệu bền vững, gắn bó lâu dài với nhà nông. Lãnh đạo và cán bộ nhân viên SSC là những con người yêu nghề, luôn cam kết theo đuổi chất lượng sản phẩm.

Công ty luôn tuân thủ các pháp luật về bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm các nguồn nguyên liệu, vật liệu. Trong năm 2016, Công ty không vi phạm bất kỳ quy định nào của Nhà nước về bảo vệ môi trường.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tính đến ngày 31/12/2016, tổng số CBCNV của Công ty là 290; mức lương trung bình đối với người lao động là: 7.356.313 đồng/tháng/người; Mức thu nhập trung bình đối với người lao động: là 10.696.064 đồng/tháng/người.

Bên cạnh đó, Công ty còn thể hiện sự quan tâm đối với người lao động bằng các chính sách về đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi người lao động như: du lịch nghỉ mát, khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm tai nạn con người (24/24).

Nhận thức được tầm quan trọng trong việc nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ

của nhân viên, Công ty thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn, đào tạo liên quan về an toàn lao động, PCCC, vận hành thiết bị an toàn sử dụng hóa chất... Tổng số khóa là 33 khóa, tổng thời lượng là 1.188 buổi, tổng số nhân viên tham gia là 211 người.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Bên cạnh những mục tiêu phát triển về doanh thu, lợi nhuận, SSC còn mong muốn đóng góp vào sự phát triển của địa phương. Công ty đã có những hành động thiết thực nhằm thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, cụ thể như:

Tặng 10 phần quà tương ứng 1 triệu đồng/phần quà (số tiền 10.000.000 đồng) để UBND huyện Cầu Ngang –Trà Vinh mua xe đạp tặng cho trẻ em nghèo tại địa phương ;

Hỗ trợ khuyến học – khuyến tài UBND, P.1 Quận Tân Bình, 2.000.000đ;

Hỗ trợ Hội Khuyến học tỉnh Bình Thuận 10.000.000 đồng;

Phụng dưỡng 02 bà mẹ Việt Nam Anh Hùng tại xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi 2016:

Mẹ Phạm Thị Cửu, sinh năm 1927, mức cấp dưỡng hàng tháng: 1.400.000 đồng/tháng cho đến cuối đời.

Mẹ Phạm Thị Nhỏ: sinh năm 1918, mức cấp dưỡng hàng tháng: 1.000.000 đồng/tháng cho đến cuối đời.

Công đoàn đóng góp Quỹ tương trợ cho công đoàn Khối Bộ NN & PTNT 7.000.000 đồng;

Ủng hộ đồng bào bị lũ lụt đồng bào miền Trung, số tiền ủng hộ là 38.199.000 đồng.





PHẦN III

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO



VỀ DOANH THU

Cơ cấu doanh thu qua các năm 2015, 2016 không có sự thay đổi nhiều với doanh thu thuần từ tiêu thụ (bán) thành phẩm đóng góp giá trị lớn nhất, năm 2016 giá trị này tăng gần 13% so với năm trước. Theo sau là doanh thu thuần từ bán hàng hóa và cuối cùng là doanh thu từ cung cấp dịch vụ có đóng góp không đáng kể.

Năm 2016, Công ty chịu ảnh hưởng từ diễn biến thời tiết thất thường, thêm vào đó là sự cạnh tranh không chỉ đến từ các đối thủ nội địa mà còn có cả các đối thủ ngoại đang dần gia nhập vào thị trường giống tiềm năng của Việt Nam dẫn đến doanh thu thuần năm 2016 giảm mạnh 14,98% so với cùng kỳ.

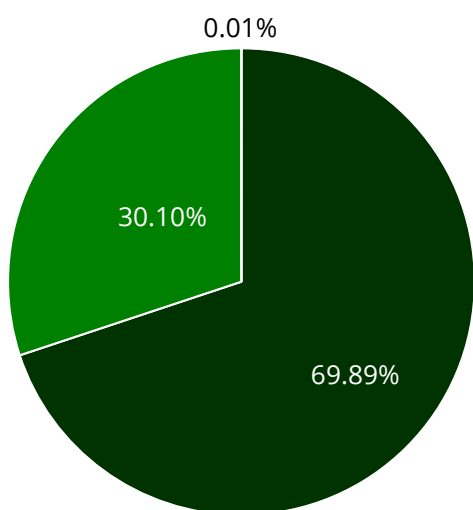
Doanh thu từ hoạt động tài chính đóng góp 0,54% vào cơ cấu tổng doanh thu, tăng 35,05% so với năm 2015, giá trị tăng thêm chủ yếu đến từ lãi do chênh lệch tỷ giá.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

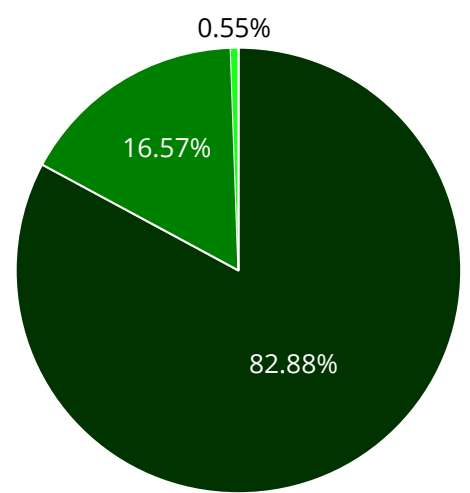
ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2015	2016	% tăng/giảm
1	Doanh thu thuần	522.148,02	443.955,24	-14,98%
2	Lợi nhuận trước thuế	59.532,28	44.907,04	-24,57%
3	Lợi nhuận sau thuế	46.393,10	35.774,21	-22,89%



2015

- Doanh thu bán thành phẩm
- Doanh thu bán hàng hóa
- Doanh thu cung cấp dịch vụ

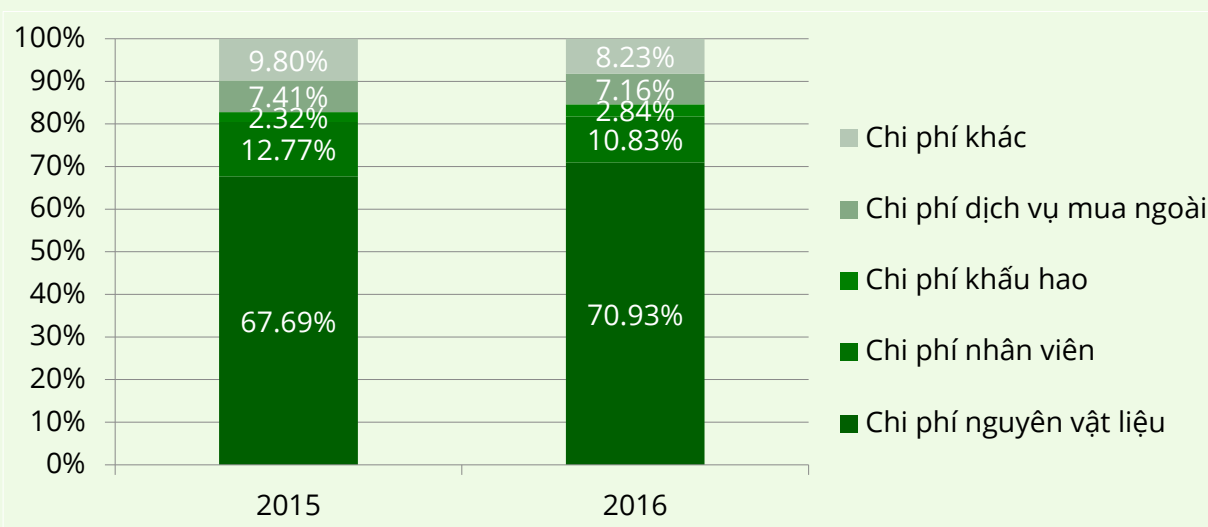


2016

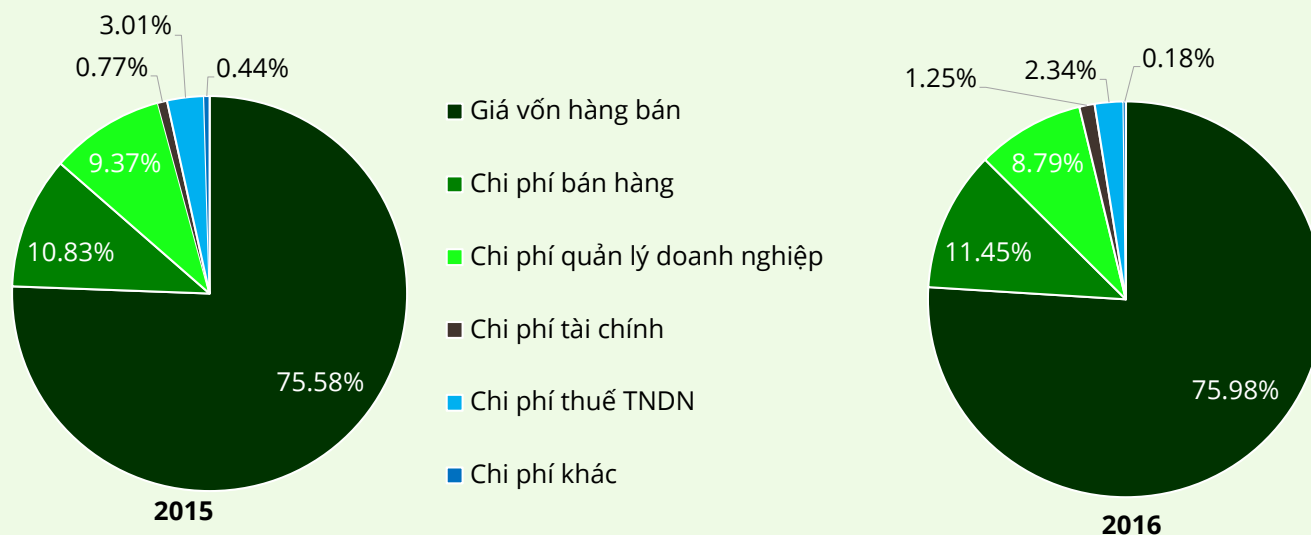
CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

VỀ CHI PHÍ

Xét về cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, nguyên vật liệu luôn là yếu tố chiếm tỷ trọng lớn nhất trong nhóm các yếu tố sản xuất kinh doanh. Năm 2016, giá trị yếu tố này tăng 3,24% so với cùng kỳ, tỷ trọng tăng từ 67,69% lên đến 70,93%. Phải kể đến tiếp theo là chi phí nhân viên, chiếm khoảng 10,83% tổng giá trị chi phí các yếu tố sản xuất kinh doanh; so với cùng kỳ, yếu tố này cũng có sự giảm nhẹ với mức giảm 1,94%. Các yếu tố còn lại đều có xu hướng giảm tuy nhiên mức giảm không đáng kể, ngoại trừ chi phí khấu hao có tăng thêm 0,52% so với năm 2015.



Xét về cơ cấu chi phí hoạt động, trong năm 2016, không có nhiều biến động về thứ tự tỷ trọng các yếu tố cấu thành tổng chi phí hoạt động của Công ty. Giá vốn hàng bán luôn là yếu tố chiếm tỷ trọng cao nhất với khoảng từ 75% qua các năm. Chi phí bán hàng là yếu tố có giá trị lớn thứ 2 trong cơ cấu tổng chi phí, trong năm nay chi phí này tăng thêm 0,62% so với cùng kỳ đồng thời có mức tăng cao nhất trong cơ cấu chi phí hoạt động. Kế đến là chi phí quản lý doanh nghiệp xếp thứ 3 và giảm 0,58% so với năm 2015. Các yếu tố chi phí còn lại chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu tổng chi phí hoạt động của toàn Công ty.



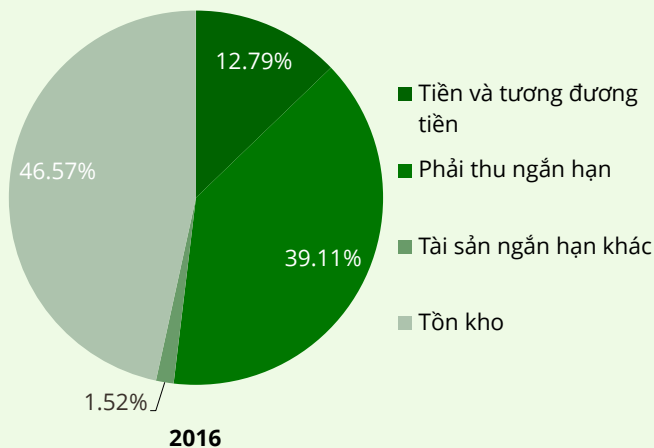
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

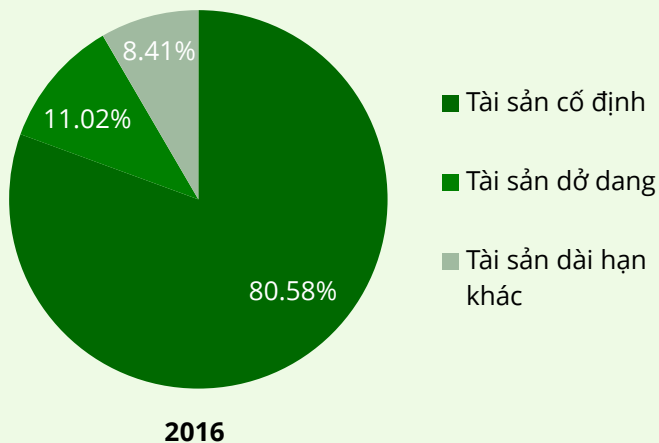
STT	Tiêu chí	31/12/2015	31/12/2016	% Tăng/ Giảm	Tỷ trọng
1	Tài sản ngắn hạn	370.291,78	284.600,85	-23,14%	71,59%
2	Tài sản dài hạn	131.001,49	112.967,56	-13,77%	28,41%
3	Tổng tài sản	501.293,27	397.568,41	-20,69%	100,00%

Năm 2016, tài sản ngắn hạn giảm mạnh 23,14% so với cùng kỳ, nguyên nhân do hàng tồn kho giảm 42,45% so với năm 2015. Chung xu hướng với tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn trong năm cũng giảm 13,77% do trích khấu hao tài sản cố định trong năm, ngoài ra sự kết chuyển chi phí trả trước dài hạn góp phần làm giảm giá trị tài sản dài hạn.



VỀ CƠ CẤU TÀI SẢN NGẮN HẠN

Hàng tồn kho là khoản mục có tỷ trọng chủ yếu, chiếm 46,57% trong tổng giá trị tài sản ngắn hạn. Xếp thứ 2 là khoản mục khoản phải thu ngắn hạn chiếm 39,11% trong cơ cấu và kế đến là 12,79% của khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền. Tài sản ngắn hạn khác chiếm một tỷ trọng rất nhỏ trong tổng giá trị tài sản ngắn hạn.



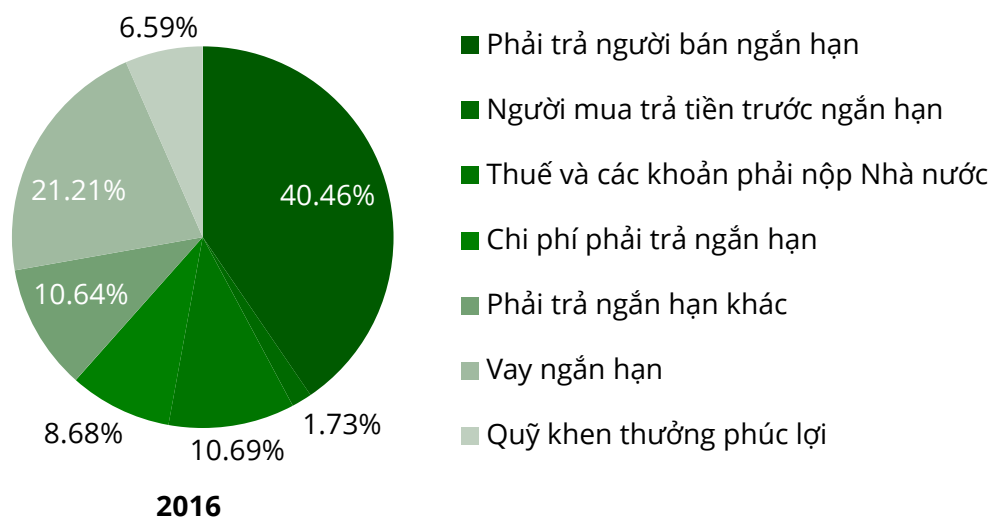
VỀ CƠ CẤU TÀI SẢN DÀI HẠN

Giá trị tài sản cố định chiếm 80,58% tổng giá trị tài sản dài hạn, hai vị trí tiếp theo lần lượt là tài sản dở dang và tài sản dài hạn khác tới tỷ trọng tương đương 11,02% và 8,41%

CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

STT	Tiêu chí	2015	2016	% Tăng/ Giảm
1	Nợ ngắn hạn	141.219,18	48.594,49	-65,59%
2	Nợ dài hạn	1.213,36	947,25	-21,93%
3	Tổng nợ	142.432,54	49.541,74	-65,22%



Trong cơ cấu nợ ngắn hạn, phải trả người bán ngắn hạn là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất với 40,46% trong tổng giá trị. Xếp thứ 2 là khoản mục vay ngắn hạn với 21,21% trong cơ cấu nợ phải trả ngắn hạn. Trong năm nay, khoản mục nợ phải trả giảm mạnh 89,73% do Công ty đã thực hiện vay ngắn hạn nhằm phân bổ nhu cầu vốn lưu động đồng thời trả hết các khoản vay ngắn hạn, điều này làm cho giá trị nợ ngắn hạn giảm mạnh.

ẢNH HƯỞNG CỦA CHÊNH LỆCH LÃI VAY

ĐVT: Đồng

STT	Chi phí tài chính	2015	2016	%Tăng/Giảm
1	Lãi chênh lệch tỷ giá	130.494.158	1.779.001.071	1263,28%
2	Lỗ chênh lệch tỷ giá	804.462.989	280.431.837	-65,14%
3	Chênh lệch ròng	-673.968.831	1.498.569.234	

Vì thực hiện giao dịch với một số nước trong khu vực Asean, Công ty chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng đô la Mỹ. Trong năm qua, nhờ biến động tỷ giá Công ty, lãi do chênh lệch tỷ giá của công ty tăng mạnh. Thu nhập từ chênh lệch tỷ giá đạt 1.499 triệu đồng.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2016, những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý mà Công ty đã đạt được như sau:

Về tổ chức, nhân sự

Hoàn thành kế hoạch tái cấu trúc giai đoạn 1, triển khai thực hiện tái cấu trúc giai đoạn 2; sắp xếp bộ máy nhân sự các cấp tinh gọn, xử lý công việc đáp ứng kịp thời hơn trước.

Về nghiên cứu

Nghiên cứu thành công nhiều giống lúa mới có triển vọng; dự kiến đưa ra giống dưa hấu không hạt, nhóm bí đỏ, bắp nếp... Về kinh doanh: Mở hệ thống đại lý mới tại khu vực ĐBSCL; củng cố và phát triển ổn định nhóm bắp vàng tại thị trường Lào và Campuchia.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



Bức tranh tăng trưởng kinh tế 2016 không mang nhiều nét tích cực khi GDP của thế giới và Việt Nam đều không đạt mức kỳ vọng. Ngành nông nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề bởi thời tiết thất thường. Năm 2017, kinh tế thế giới được dự báo sẽ cải thiện so với năm 2016, tuy nhiên vẫn phải đối mặt với nhiều bất ổn về chính trị. Tăng trưởng ngành nông nghiệp dự báo ở mức thấp và có thể giảm, biến đổi khí hậu khiến cho ngành nông nghiệp đứng trước rủi ro rất lớn từ thiên tai, hạn hán.



PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Dựa trên thực tế sản xuất kinh doanh năm 2016 và dự báo cho năm 2017, Ban Điều hành Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam đã đề ra các chỉ tiêu kế hoạch cho năm 2017 như sau:

KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ LÃI GỘP

Đơn vị	2017			
	Khối lượng (Tấn)	Doanh thu (Tỷ đồng)	DT KHCN (Tỷ đồng)	Lãi gộp (Tỷ đồng)
Tổng cộng	25.232,69	534,47	376,47	155,59
Phòng kinh doanh	20.583,76	365,98	247,74	96,14
Chi nhánh Hà Nội	2.571,77	110,44	88,91	42,92
Chi nhánh Tây Nguyên	901,67	28,06	21,61	8,10
Chi nhánh Miền Trung	1.175,49	30,00	18,21	8,43

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT

Nhóm sản phẩm	Khối lượng (Tấn)
Bắp nếp	1.045,82
Bắp vàng	1.137,00
Lúa lai	1.159,90
Lúa thuần	22.075,40
Rau	61,23
Đậu	678,00
Tổng cộng	26.157,35

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ Ý KIẾN KIỂM TOÁN: Không có



CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA CÔNG TY

Bối cảnh chung

- Biến đổi khí hậu toàn cầu làm cho thời tiết diễn biến thất thường như rét đậm rét hại, hạn hán xâm nhập mặn gây tác động lớn đến sản xuất nông nghiệp.
- Sự thay đổi lớn về chính trị tại các nước dẫn đầu trên thế giới đã tác động đến nền kinh tế nhiều quốc gia và hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.
- Hội nhập kinh tế toàn cầu tạo ra nhiều cơ hội, đồng thời doanh nghiệp cũng phải vượt qua nhiều thách thức để tồn tại và phát triển.
- Giá các loại lương thực, nông sản biến động theo từng năm làm cho nhu cầu hạt giống các loại không ổn định.
- Tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường hạt giống nhất là sự tăng cường tiếp thị của các công ty giống nước ngoài và sự ra đời của các công ty giống mới.



THUẬN LỢI

Nhóm lúa

- Sản phẩm độc quyền Đài thơm 8, CX247, KC06-1, bước đầu được nông dân chấp nhận, đánh giá có triển vọng lớn từ năm 2017 trở đi.
- Lúa lai tiêu thụ khá tốt ở thị trường truyền thống.
- Chất lượng ổn định, thương hiệu từng bước được củng cố.
- Sở hữu trí tuệ được các ban ngành ủng hộ.
- Các giống có thương hiệu nguồn SSC như: OM 5451, VD 20, Đài Thơm 8, OM 4900 phát huy khá tốt, góp phần doanh thu cao 2016 trong cơ cấu cùng nhóm.
- Quý 4/2016, có mở thêm 80 đại lý lúa đủ

ạnh cho chiến lược phát triển ĐBSCL 2017 trở đi.

Nhóm bắp nếp

- Tiêu thụ và chiếm thị phần khá lớn trên thị trường Việt Nam và có khả năng duy trì trên thị trường, chờ sản phẩm mới bổ sung.
- Thị trường Campuchia, từng bước tiêu thụ có chiều hướng tăng nhẹ, tuy còn hạn chế lượng bán.

Bắp vàng

- Sản phẩm LVN10 thị trường Lào và Campuchia có thương hiệu nhất định, theo đánh giá cạnh tranh tốt sản phẩm LVN 10 của đối thủ.

Nhóm rau - đậu

- Thương hiệu đậu xanh ĐX 208, một số nhóm rau OP được nông dân đánh giá khá cao và chuộng hơn.



KHÓ KHĂN

- Khô hạn và xâm nhập mặn kéo dài đến 6 tháng đầu 2016, thiếu nước canh tác, ảnh hưởng diện tích sản xuất lúa giống, diện tích gieo trồng, bán hàng giảm so mục tiêu đề ra;
- Giá lúa nông, sản bắp vàng giảm, nông dân tiếp tục chuyển sang cây trồng lâu năm khác, cạnh tranh hạ giá, giải phóng hàng tồn kho, dẫn đến lợi nhuận giảm;
- Giá lúa lương thực giảm, nông dân giảm đầu tư;
- Bộ sản phẩm rau – bắp vàng chưa đủ mạnh, sản phẩm chiến lược dẫn dắt thị trường chưa có, các sản phẩm độc quyền còn hạn chế so nhu cầu kinh doanh;
- Chưa có chiến lược tốt về lúa thuần, đầu

tư cơ sở vật chất chưa đáp ứng tốt cho sản xuất, kế hoạch sản xuất và kinh doanh chưa theo kịp thị trường, sản xuất thừa, thiếu;

- Năng lực sản xuất lúa thuần còn hạn chế, thiếu lượng bán, sản xuất giá thành cao bình quân từ 10%-13% so đối thủ cạnh tranh;
- Nhân sự sản xuất nghỉ nhiều, ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất;
- Nhân sự kinh doanh marketing kinh nghiệm còn hạn chế.
- Hệ thống quản trị chưa đồng bộ, sự kết nối các bộ phận chưa tốt, mất cơ hội sản xuất và kinh doanh.

CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

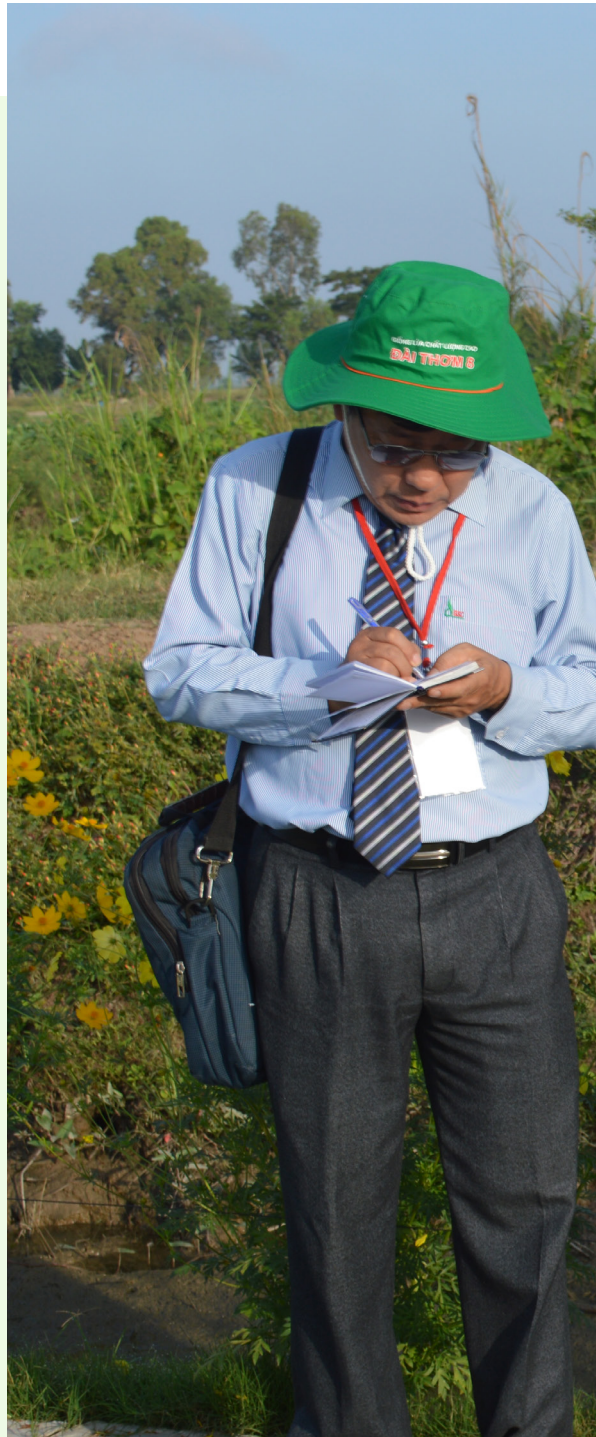
CỦA CÔNG TY

Hoạt động marketing

- Nhân sự Phòng Marketing biến động cần thêm thời gian để hoàn thiện hoạt động của Phòng;
- Các hồ sơ để làm thủ tục công nhận giống chưa đủ, mối quan hệ với các sở Ban ngành còn yếu, khó khăn cho việc xin nhận xét của Sở Nông nghiệp;
- Hoạt động marketing chưa hỗ trợ tốt các chi nhánh xa (Tây Nguyên, Miền Trung, Hà Nội);
- Chưa xây dựng kế hoạch đào tạo nghiệp vụ cho đội ngũ nhân sự P. Marketing và P.Kinh doanh.

Hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm

- Các bộ môn hoạt động ngày càng có hiệu quả, thu thập nhiều dòng thuần, vật liệu tốt; đánh giá mô tả đầy đủ các vật liệu nguồn gen; phát triển được bộ dòng có giá trị lai tạo như đa dạng đặc tính, có nhiều tính năng tốt, qua đó định hướng chọn tạo ra những giống mới phù hợp với thị trường;
- Công nghệ sinh học đã hoạt động ổn định, hoàn thiện những quy trình có giá trị ứng dụng hỗ trợ hiệu quả cho đánh giá độ thuần và chọn tạo giống mới;



Hoạt động sản xuất, kinh doanh

- Chiến lược phát triển lúa thuần ĐBSCL được điều chỉnh kịp thời, hệ thống đại lý mới mở khu vực ĐBSCL đủ mạnh để đảm bảo mục tiêu kinh doanh 2017 trở đi;
- Thị trường Lào và Campuchia được củng cố và phát triển khá ổn định nhóm bắp vàng.
- Khu vực Miền Đông Nam Bộ, Đồng bằng



Sông Cửu Long và Miền Trung phát triển khá ổn định, đặc biệt là nhóm lúa và rau màu, bắp nếp;

- Chất lượng hạt giống lúa thuần được cải thiện nhiều so với năm trước;
- Việc cấy lúa thuần đạt kết quả tốt về năng suất, chất lượng và diện tích lúa cấy ngày càng tăng cao;
- Năm đầu tiên áp dụng khoán lương và chất lượng sản phẩm đầu vào cho nhân viên sản xuất, đã tạo được động lực để nhân viên phấn đấu tăng diện tích và chất lượng sản phẩm thu mua;
- Giữa kinh doanh và sản xuất không phối hợp tốt để điều chỉnh cơ cấu chủng loại

phù hợp đáp ứng kịp thời, dẫn đến sản phẩm thừa, sản phẩm thiếu;

- Còn hạn chế về kỹ năng giao tiếp và kỹ năng chỉ đạo sản xuất, chưa hướng dẫn động viên được nông dân khử lẩn đúng giai đoạn để đạt được hiệu quả cao;
- Chưa chủ động trong việc xây dựng địa bàn sản xuất bền vững, địa bàn sản xuất xa nhà máy, chi phí cao;
- Nhân viên sản xuất chưa chủ động trong việc kiểm soát chất lượng, thu lúa về Trại sau khi KCS kiểm tra không đạt loại bỏ.

CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hoạt động chế biến - bảo quản

- Công tác Chế biến – Bảo quản năm 2016 xét về lượng chỉ bằng 65,7% so với cùng kỳ 2015. Trong đó, bắp giảm nhiều nhất, các giống còn lại cũng giảm nhiều so với 2015;
- Tái cấu trúc đợt 2 đã làm tinh gọn nguồn nhân lực trong bộ phận chế biến bảo quản ở các đơn vị;
- Trang thiết bị lạc hậu và thiếu đồng bộ đã lộ rõ trên sản phẩm của SSC khi nhu cầu của thị trường đòi hỏi cao hơn rất nhiều về mỹ quan, về tính đồng đều của sản phẩm và cuối cùng là chất lượng của sản phẩm....;
- Dù đã có kế hoạch tháng quý nhưng tình hình cung ứng hàng vẫn còn nhiều bất cập;
- Công tác quản lý chi phí chế biến bảo quản ở các đơn vị cần được tăng cường nhằm kiểm soát tốt hơn chi phí lao động trong các công đoạn. Bên cạnh đó, công tác quản lý bao bì, quản lý hao hụt sấy chế biến đóng gói cũng cần phải chú trọng hơn nữa;
- Việc Công ty không tiếp tục áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2008 đang tạo ra lỗ hổng trong quản lý, cần phải được khắc phục nhanh bằng các quy định và quy trình mới nhằm thay thế các quy định và qui trình hiện hành;
- Nhìn chung công tác chế biến bảo quản trong năm 2016 giảm nhiều so với cùng kỳ, công tác quản lý chế biến bảo quản ở một số đơn vị vẫn còn “lạc”, việc quản lý chi phí, lao động, vật tư và công cụ chưa được chú trọng.

Hoạt động quản lý chất lượng

- Thiết bị chế biến ở một số đơn vị đã lạc hậu còn nhiều hạn chế, nên một số lô giống sau khi chế biến vẫn còn tỷ lệ cao hạt lửng cục bộ trong lô giống (Chi nhánh Miền Trung), xuất hàng bị phản ánh giảm nảy mầm cục bộ và cảm quan (tạp chất, hạt xấu);
- Việc chỉ định lô giống xuất hàng và điều động hàng hóa đôi khi chưa có sự phối hợp tốt, thông tin chất lượng trên các báo cáo tồn kho chưa đầy đủ là một sự hạn chế cho việc quyết định khi chọn lô giống;

Hoạt động nhân sự - hành chính

- Cán bộ quản lý cấp cao và cấp trung thiếu nguồn nhân lực kế thừa, nguồn nhân lực nội bộ chưa đáp ứng mục tiêu chiến lược của Công ty;
- Công tác đào tạo hiện nay còn yếu, công tác đánh giá hiệu quả sau đào tạo chưa chuẩn xác;
- Chưa phát huy hiệu quả quản lý theo mục tiêu dẫn đến thiếu động lực làm việc, trông chờ, ỷ lại, không lưu giữ được cán bộ có năng lực;
- Hệ thống quy chế nằm rải rác tại các bộ phận phòng ban, được quy định trong nhiều loại văn bản, nhiều thời điểm: quy định, thông báo,... (dẫn đến khi cần áp dụng phải đọc nhiều văn bản khác nhau).
- Tính tuân thủ, tự giác chấp hành quy chế hoạt động của CBNV vẫn còn kém, năng suất lao động hiện nay chưa cao dẫn đến tiền lương, thu nhập thấp.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

NHỮNG MẶT LÀM ĐƯỢC

HĐQT đã chỉ đạo Ban Điều hành tích cực triển khai các Nghị quyết, quyết định của HĐQT đã ban hành trong năm 2016, bao gồm:

- Triển khai phương án tái cấu trúc Công ty giai đoạn 2.
- Thực hiện rà soát đánh giá thực trạng Công ty trong toàn bộ các lĩnh vực: Tổ chức bộ máy; nhân sự; kế hoạch đầu tư; nghiên cứu; sản xuất kinh doanh; quản lý tài chính; quản lý chất lượng.

Một số giống triển vọng được nghiệm thu và công nhận:

- Chọn được giống lúa lai có triển vọng Nam ưu 1656, Nam ưu 1585... cho năng suất cao, chất lượng khá, có khả năng chống chịu phèn mặn tốt.
- Giống SR 335 và SR 110: sinh trưởng tốt, dạng hình đẹp, năng suất cao, gạo đẹp và chất lượng ngon. Đang hoàn thiện báo cáo xin công nhận giống sản xuất thử vào đầu năm 2017.
- Công nhận chính thức giống lúa lai Nam ưu 209 cho các tỉnh phía Bắc; Công nhận sản xuất thử giống KC06-1, KC06-5, Đài thơm 8 cho các tỉnh phía Nam; Hoàn tất thủ tục công nhận sản xuất thử giống Kim Cương 111 cho các tỉnh phía Bắc, đang chờ quyết định của Bộ Nông nghiệp – PTNT;

NHỮNG MẶT CÒN HẠN CHẾ

Doanh thu và lợi nhuận chưa đạt kế hoạch đề ra của ĐHCĐ năm 2016:

- Hoạt động dự báo thị trường chưa tốt, giảm doanh thu khá cao, khu vực Tây Nguyên (đạt 58% KH, so cùng kỳ 63%) và khu vực Miền Bắc (72% KH, so cùng kỳ 63%);
- Quản lý rủi ro nợ bán hàng chưa tốt, chi nhánh Hà Nội nợ quá hạn cao và có nợ xấu có khả năng trên 3 tỷ đồng;
- Chưa kiểm soát tốt chi phí hoạt động của các Đơn vị, Trạm, Trại, chi phí giá thành sản xuất lúa thuần cao hơn đối thủ cạnh tranh 10-13%;
- Sản xuất không đáp ứng nhu cầu kinh doanh, thông tin chia sẻ giữa bộ phận kinh doanh và bộ phận sản xuất chưa tốt, thiếu cung nhưng tồn kho sản phẩm khó tiêu thụ;
- Thay đổi chiến lược phát triển lúa thuần và tăng tốc về lượng, hiện tại cơ sở vật chất các đơn vị nhà máy chưa đáp ứng (Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Miền Trung, các nhà máy khu vực ĐBSCL);
- Công tác quản trị chưa sát, tính tuân thủ của một vài đơn vị chưa chấp hành cao;
- Sự phối hợp giữa các đơn vị chưa tốt.





CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(1) KINH DOANH

Theo dõi diễn biến thị trường nông sản, điều chỉnh cơ cấu chủng loại kinh doanh để quyết định sản xuất kịp thời;

Áp dụng KPI bán hàng từng tháng (Miền Đông – ĐBSCL), từng vụ (Tây Nguyên, Miền Trung – Miền Bắc);

Xây dựng Đại lý nông cốt tập trung tiêu thụ lúa giống SSC từ 40% trở lên;

Khai thác triệt để và nhanh Giống bản quyền để mở rộng thị phần và tăng hiệu quả, đảm bảo doanh thu sản phẩm khoa học công nghệ chiếm trên 70% doanh thu Công ty;

Khai thác tối đa lúa thuần Kim Cương 111 ở phía Bắc. Phát triển mạnh lúa thuần để nâng cao doanh thu ở miền Bắc và miền Trung;

Tìm kiếm đối tác chiến lược về hạt giống rau nhằm đa dạng bộ sản phẩm hạt rau kinh doanh của Công ty;

Đánh giá lại thị trường Lào, Campuchia để mở rộng phát triển bộ sản phẩm đa dạng hơn.

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 2017



Để có thể hoàn thành tốt kế hoạch năm đã đề ra, đồng thời hạn chế tối đa những khó khăn mới phát sinh trong quá trình sản xuất – kinh doanh, năm 2017 HĐQT đã đưa ra các phương hướng thực hiện kế hoạch như sau:

(2) MARKETING – PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

Áp dụng hệ thống nhận diện Công ty đồng bộ (bao bì, bảng hiệu, vật liệu quảng bá...), xây dựng thương hiệu SSC được nhiều người biết đến rộng khắp khu vực ĐBSCL;

Cải tiến hoạt động trình diễn hội thảo, đặc biệt sản phẩm mới theo hướng marketing trực tiếp.

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	KH 2016	TH 2016	KH 2017	KH2017/ KH2016	KH2017/ TH2016
Khối lượng tiêu thụ (tấn)	16.311	15.749	25.233	54,70%	60,22%
Doanh thu thuần	447,55	436,96	534,47	19,42%	22,32%
Lợi nhuận gộp	143,62	131,5	155,59	8,33%	18,32%

(3) R&D

Định hướng công tác nghiên cứu gắn liền mục tiêu kinh doanh;
Xây dựng định mức các chi phí nghiên cứu;
Đưa ra thị trường các giống rau màu mới: Dưa hấu không hạt (tháng 4), bí đỏ, khổ qua, ớt, bắp nếp (tháng 9);
Sớm công nhận các giống lúa lai, lúa thuần theo kế hoạch;
Tổ chức và quản lý nhân giống gốc, bố mẹ an toàn, đầy đủ và kịp thời cho công tác sản xuất giống;
Tăng cường quan hệ hợp tác với các Viện, Trường để cập nhật thông tin về giống mới triển vọng trong quá trình khảo nghiệm so sánh giống;
Mở rộng quan hệ hợp tác khảo nghiệm hạt giống rau với các công ty Giống hàng đầu trong khu vực.

(4) SẢN XUẤT

Thực hiện giao khoán cho nhân viên sản xuất, cải tiến chế độ lương điểm và chế độ thưởng theo khối lượng, chất lượng và kết quả công việc của bộ phận, cá nhân;
Từng bước xây dựng vùng nguyên liệu sản xuất ổn định, giảm chi phí vận chuyển, giảm giá thành;
Hợp tác sản xuất với các đối tác gia công sản xuất có uy tín;
Triển khai sản xuất rải vụ, đáp ứng kịp thời kinh doanh, giảm áp lực lưu kho và tồn kho, đảm bảo phải đủ hàng cho kinh doanh;
Nghiên cứu các giải pháp xây dựng định mức giá thành trong sản xuất, đảm bảo tính cạnh tranh và lợi nhuận.

(5) CHẾ BIẾN BẢO QUẢN

Quản lý tốt chất lượng sản phẩm trong quá trình sấy, chế biến bảo quản để ngăn ngừa thiệt hại trong kho và thực hiện nghiêm chế độ trách nhiệm vật chất trong công tác sản xuất và chế biến bảo quản;
Công tác quản lý chi phí chế biến bảo quản ở các đơn vị phải được kiểm soát tốt chi phí lao động trong các công đoạn. Bên cạnh đó, công tác quản lý bao bì, quản lý hao hụt sấy chế biến đóng gói cũng cần phải chú trọng

hơn nữa.

(6) QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Tăng cường quản lý và chịu trách nhiệm chính trong việc quản lý chất lượng hàng hóa toàn Công ty;
Tăng cường kiểm tra giám sát hoạt động kiểm định ở các đơn vị để phát hiện và ngăn ngừa rủi ro chất lượng ngay từ ngoài đồng;
Tập huấn NVSX phương pháp kiểm định, kiểm nghiệm hạt giống để có thể tự đánh giá chất lượng ruộng giống và tự chịu trách nhiệm về chất lượng hạt giống khi nhập kho;
Tập huấn công tác kiểm nghiệm, kiểm soát quá trình chế biến bảo quản cho NV QLCL/KCS để thực hiện tốt quy trình quản lý sau thu hoạch;
Soát xét lại các thủ tục, hệ thống tài liệu/biểu mẫu và các quy định cho phù hợp với chức năng.

(7) KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

Nâng cấp hệ thống sấy của Trại Cờ Đỏ;
Khảo sát và thuê kho khu vực ĐBSCL đáp ứng chiến lược phát triển lúa thuần;
Đánh giá lại chiến lược Công ty, đề xuất đầu tư cơ sở vật chất cho các năm tiếp theo;
Đề xuất các giải pháp quản trị, tiết kiệm chi phí và nâng cao chất lượng sản phẩm;
Xây dựng hệ thống định mức: Định mức vận chuyển, hao hụt ...

(8) TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Hoàn thiện chương trình kế toán, áp dụng giải pháp FAST online, Quản lý kho để hỗ trợ cung cấp thông tin phục vụ quản trị;
Phát huy vai trò bộ phận, tập trung kiểm soát tốt chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, giá thành từng lô trong hệ thống kế toán Chi nhánh, Trạm, Trại;
Cập nhật những thay đổi của công tác tài chính, kế toán để kiểm soát tình hình triển khai chiến lược kinh doanh;
Hệ thống, soát xét, sửa đổi, ban hành lại các quy định, quy trình trong công tác kế toán và các quy chế trong công tác quản lý tài chính để hệ thống TCKT được vận hành tốt hơn, giảm thiểu rủi ro;
Đào tạo nghiệp vụ cho nhân sự TCKT trong toàn Công ty.

CỬA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

QUẢN TRỊ

- Hệ thống phân quyền và chế độ trách nhiệm cán bộ lãnh đạo trong công tác quản lý điều hành;
- Quản trị theo mục tiêu, thực hiện giao mục tiêu – chỉ tiêu đến từng đơn vị- bộ phận- CBNV;
- Kiểm soát quá trình thực hiện của các Đơn vị, bộ phận, cá nhân bảo đảm tính tuân thủ, linh hoạt và tính trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ/ kế hoạch công việc được giao;
- Tăng cường sự phối hợp giữa các Bộ phận và cá nhân thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình vì lợi ích của Công ty.

NHÂN SỰ HÀNH CHÍNH

- Quy hoạch và sử dụng nguồn nhân sự hợp lý các bộ phận/đơn vị;
- Đánh giá năng lực nhân sự, tham mưu Ban TGD điều động, luân chuyển, đề bạt phát triển nguồn nhân sự kịp thời;
- Kiện toàn nhân sự sản xuất, kinh doanh, marketing;
- Tổ chức huấn luyện, kiến thức canh tác, đặc tính giống, kỹ năng tiếp thị bán hàng cho CBNV Kinh doanh & Marketing;
- Tổ chức đào tạo kỹ năng quản trị cho cán bộ quản lý các cấp; đặc biệt đội ngũ cán bộ kế thừa;
- Chính sách khen thưởng thỏa đáng cho đội ngũ nghiên cứu đưa ra thị trường sản phẩm mới;
- Chính sách khen thưởng nhân viên kinh doanh đạt mục tiêu KPI tháng/quí/vụ;
- Nâng cao hiệu quả quy chế lương thưởng và đánh giá CBNV theo mục tiêu giao việc;
- Hệ thống lại, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới hệ thống quy chế.





PHẦN IV

QUẢN TRỊ CÔNG TY





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Chi chú
1	Bà Lê Thị Lệ Hằng	Chủ tịch HĐQT	0	0%	
2	Bà Trần Kim Liên	Phó Chủ tịch HĐQT	0	0%	
3	Ông Hàng Phi Quang	UV. HĐQT	44,587	0,29%	
4	Ông Đỗ Bá Vọng	UV. HĐQT	0	0%	
5	Ông Nguyễn Quốc Vọng	UV. HĐQT	2,467	0,01%	Từ nhiệm HĐQT từ 01/7/2016

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Tiểu ban	Thành viên
1	Tiểu ban Tái cấu trúc và Đầu tư	Trưởng tiểu ban: Trần Kim Liên; Thành viên: Hàng Phi Quang;
2	Tiểu ban Khoa học và Công nghệ	Thành viên: Đỗ Bá Vọng
3	Tiểu ban Nhân sự - Lương thưởng	Trưởng tiểu ban: Hàng Phi Quang; Thành viên: Trần Kim Liên

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	28/01/2016	<p>Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015: Doanh thu thực hiện 507 tỷ đồng (số liệu trước kiểm toán) bằng 84% so với năm 2014, đạt 86% KH 2015. Lợi nhuận sau thuế là 46 tỷ đồng (số liệu trước kiểm toán); bằng 52% so với cùng kỳ năm 2014 và đạt 61% so với KH 2015; Kế hoạch kinh doanh năm 2016: Ban Điều hành phải phân tích các yếu tố rủi ro liên quan, dự báo thị trường, theo dõi & giám sát các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận 2016 đã đề ra, đảm bảo kế hoạch thực hiện mang tính khả thi.</p> <p>HĐQT trình ĐHCĐ thường niên 2015 điều chỉnh tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2015 từ 30% xuống 20%/vốn điều lệ.</p> <p>Để giảm tổn thất thiệt hại đối với hàng kém phẩm chất, yêu cầu Tổng Giám đốc ban hành quy định kiểm soát hàng hóa nhập kho, sấy - chế biến, bảo quản sản phẩm trong kho, đối với sản phẩm giống ngô lai và lúa lai yêu cầu phải có phương án bảo đảm an toàn.</p> <p>HĐQT phê duyệt kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 sẽ thực hiện vào tháng 4/2016. Ban Điều hành có trách nhiệm triển khai thực hiện theo kế hoạch;</p>
2	02/NQ-HĐQT	28/01/2016	<p>Phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2016</p>
3	03/NQ-HĐQT	19/03/2016	<p>Để giảm tổn thất đối với hàng hóa hiện đang bảo quản, yêu cầu Tổng Giám đốc triển khai xây dựng phương án bảo quản đối với hàng hóa không có khả năng tiêu thụ trong năm nay thời gian xong trước 15/4/2016.</p> <p>Phê chuẩn miễn nhiệm ông Phạm Quang Dương, thôi giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Hà Nội, kể từ ngày 01/4/2016</p> <p>Phê chuẩn bổ nhiệm Nguyễn Ngọc Đức, giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Hà Nội thay thế ông Phạm Quang Dương; hiệu lực từ 01/4/2016;</p> <p>Phê chuẩn bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Bé Hai, giữ chức vụ Giám đốc Sản xuất và thôi giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Miền Trung, kể từ ngày 01/5/2016;</p> <p>Phê chuẩn bổ nhiệm ông Trần Vinh Quang, hiện đang là Giám đốc Chi nhánh Công ty NSC tại miền Trung giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Miền Trung</p> <p>Đồng ý giải quyết chế độ theo nguyện vọng đối với Giám đốc Marketing - PTSP Nguyễn Hữu Hòa kể từ ngày 1/4/2016.</p> <p>Thông qua kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015, ngày 23/4/2016, TGD chỉ đạo các bộ phận thực hiện báo cáo thường niên, tài liệu đại hội theo tiến độ công việc, thời gian.</p> <p>Kế hoạch phân phối hàng Dekalb: HĐQT yêu cầu Ban Điều hành ngừng phân phối hàng Dekalb, tăng cường thúc đẩy bán hàng tồn kho còn lại.</p> <p>Thông qua chủ trương đồng ý cho Công ty cổ phần Pan Saladbowl sử dụng 7,3 ha đất tại xã Đa Đồn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng để sản xuất giống rau, hoa công nghệ cao, nhằm khai thác hiệu quả hơn việc sử dụng đất trước đây của Công ty.</p> <p>Việc hợp tác liên doanh với Công ty Daewon Thủ Đức, SSC sẽ tiếp tục đề nghị đối tác có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất và trả các chi phí liên quan về thủ tục hồ sơ, chuyển nhượng giá trị quyền sử dụng đất.</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
4	04/NQ - HĐQT	12/04/2016	Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2016 trình ĐHĐCĐ thường niên 2015 Doanh thu thuần 469 tỷ đồng Lợi nhuận sau thuế 65,5 tỷ đồng
			Thông qua Tổng mức đầu tư cơ bản năm 2016 là 16,795 tỷ đồng
			Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận trích lập Quỹ chi trả cổ tức năm 2015
			Thông qua quyết toán chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2015
			Thông qua phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2016 :
			Thông qua đề xuất ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2016
			Thông qua việc chỉ đạo HĐQT của Công ty cổ phần GCT Nam An kiện toàn lại tổ chức bộ máy Ban Điều hành, để sớm tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh chính
			Thông qua việc sử dụng quỹ Đầu tư phát triển 2016 trích bổ sung vào Quỹ lương của Công ty
			Phê duyệt mức lương của Tổng Giám đốc năm 2016
5	05/NQ - HĐQT	07/06/2016	Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2015, tỷ lệ chi trả 20%
6	06/NQ - HĐQT	28/06/2016	Thông qua việc chấp thuận đơn từ nhiệm của UV.HĐQT Nguyễn Quốc Vọng
7	07/NQ - HĐQT	28/06/2016	Phê duyệt chọn Công ty Kiểm toán TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 của SSC
8	08/NQ - HĐQT	20/07/2016	Rà soát lại toàn bộ kế hoạch kinh doanh 6 tháng cuối năm trên cơ sở sản phẩm giống hiện có, để có giải pháp kinh doanh, bán hàng, tiêu thụ hàng tồn kho
			Tổng hợp báo cáo đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ mà hiện nay chưa đưa vào các khoản chi phí
			Đối với giải pháp thu hồi công nợ, xử lý nợ khó đòi và tập trung đơn đốc thu hồi công nợ của chi nhánh Hà Nội; Công ty Nam An.
			Yêu cầu triển khai xây dựng phương án bảo quản đối với hàng hóa không có khả năng tiêu thụ
			Xây dựng kế hoạch sản xuất bổ sung vụ Thu Đông năm 2016
			Chuẩn bị kế hoạch sản xuất giống F1 để đáp ứng yêu cầu kinh doanh năm 2017
			Xây dựng phương án kinh doanh năm 2017 toàn bộ các lĩnh vực kinh doanh, nghiên cứu, marketing, sản xuất, tổ chức bộ máy nhân sự...
Phân công ủy viên Đỗ Bá Vọng - Tiểu ban Khoa học Công nghệ có trách nhiệm giúp Ban TGD phụ trách xây dựng chiến lược, kế hoạch, quản lý, tổ chức thực hiện và kiểm soát về lĩnh vực khoa học công nghệ, sản xuất, nghiên cứu, khảo nghiệm			

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
9	09/NQ - HĐQT	03/08/2016	Triển khai khảo nghiệm bộ giống dưa lưới mới nhằm mục đích đánh giá hiệu quả, xây dựng quy trình kỹ thuật phục vụ cho dự án sản xuất dưa lưới của Công ty, địa điểm tại Trại Tân Hiệp và Trung tâm Nghiên cứu (SRC - Củ Chi); Quy hoạch lại SRC trên cơ sở khai thác sử dụng hết diện tích sản xuất; Bố trí cán bộ chuyên trách làm công tác khảo nghiệm để đào tạo đội ngũ chuyên gia sản xuất phục vụ cho mở rộng ngành nghề của Công ty.
			Yêu cầu Tổng Giám đốc xây dựng phương án khai thác và tổ chức sản xuất tại Trại Tân Hiệp (mở rộng quy mô sản xuất, xây dựng cơ chế khoán, liên kết sản xuất...)
			Thông qua chủ trương cải tạo và quy hoạch Nhà máy chế biến Hạt giống Hà Nội để đáp ứng công tác chế biến bảo quản lúa
			Thông qua chủ trương nâng vốn sở hữu của SSC tại Công ty cổ phần Giống cây trồng Nam An, nắm giữ cổ phần tối thiểu 90% vốn điều lệ
10	10/NQ - HĐQT	14/09/2016	Thông qua nội dung đánh giá của Tổng Giám đốc về tình hình tái cấu trúc Công ty giai đoạn 1 và Phương án tái cấu trúc công ty giai đoạn 2
			Tổ chức kiện toàn và tăng cường lãnh đạo cấp cao có trình độ, năng lực, trách nhiệm, tâm huyết và khả năng thích nghi cho bộ máy lãnh đạo cấp cao của Công ty
			Phê duyệt bổ nhiệm ông Nguyễn Khắc Tùng - Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Marketing kể từ ngày 16/09/2016
			Phê duyệt miễn nhiệm ông Võ Hoàng Khang - Giám đốc Marketing và bổ nhiệm làm Phó Giám đốc Marketing
11	11/NQ - HĐQT	04/10/2016	Thông qua dự án sản xuất dưa lưới công nghệ cao tại Củ Chi (xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi)
			Phê duyệt Phương án tái cấu trúc Công ty giai đoạn 2 (theo phương án định biên lao động do Tổng Giám đốc trình)
			Phê duyệt phương án đổi mới tổ chức quản lý sản xuất, nghiên cứu và chế biến bảo quản trong toàn Công ty theo hướng khoán gọn và gắn với thị trường
			Về triển khai ký hợp Phụ lục Hợp đồng liên doanh và Hợp đồng chuyển nhượng vốn với Công ty Phát triển Nhà Daewon Thủ Đức. Yêu cầu Tổng Giám đốc hoàn tất toàn bộ nội dung sửa đổi trình HĐQT chậm nhất ngày 30/10/2016
			Đồng ý về chủ trương khảo sát và lập dự án đầu tư thành lập Chi nhánh Giống cây trồng miền Nam tại Bình Định

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
12	12/NQ - HĐQT	27/10/2016	<p>Thông qua điều chỉnh chiến lược kinh doanh giai đoạn 2017 - 2020, tập trung nguồn lực phát triển lúa thuần tại Đồng bằng Sông Cửu Long</p> <p>Điều chỉnh kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân 2016 - 2017, mở rộng liên kết với các tổ chức trong sản xuất giống thương mại, điều chỉnh kế hoạch sản xuất giống gốc đáp ứng đủ yêu cầu sản xuất phục vụ kinh doanh</p> <p>Thông qua điều chỉnh mục tiêu đầu tư cơ sở vật chất ban đầu tại Trại Cờ Đỏ, chuyển sang xúc tiến khảo sát và lập dự án xây dựng Nhà máy/hoặc thuê kho tại Hậu Giang, An Giang để xây dựng vùng nguyên liệu, nhằm đáp ứng yêu cầu kinh doanh lúa thuần khu vực ĐBSCL</p> <p>Phê duyệt thành lập Ban Quản lý Dự án sản xuất dưa lưới tại xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi. Bổ nhiệm ông Hà Thành Võ, Giám đốc Trại Tân Hiệp làm Trưởng ban</p> <p>Phê duyệt cán bộ cấp quản lý nghỉ việc theo đơn: Phó Tổng Giám đốc - Nguyễn Hoàng Tuấn, nghỉ việc kể từ ngày 01/11/2016, Kế toán trưởng Công ty - Lê Tôn Hùng, nghỉ việc kể từ ngày 10/11/2016</p> <p>Yêu cầu Ban TGD xúc tiến hoàn tất nhanh thủ tục thuê đất tại SRC, xã Phạm Văn Cội, Củ Chi, TP.HCM để phục vụ cho triển khai các hoạt động SXKD của Công ty</p>
13	13/NQ - HĐQT	10/11/2016	<p>Giao nhiệm vụ TGD tiếp tục làm việc với Công ty cổ phần Phát triển Nhà Daewon Thủ Đức để thống nhất các nội dung liên quan đến việc đề xuất điều chỉnh thay đổi quy hoạch xây dựng của Dự án 282 Lê Văn Sỹ</p> <p>HĐQT giao Ban TGD xây dựng các giải pháp tổng thể: về nguồn nhân lực, sản xuất, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ chế chính sách bán hàng và cơ chế khuyến khích tạo động lực cho nhân viên kinh doanh, Marketing để mở rộng quy mô kinh doanh, thực hiện chiến lược kinh doanh nhằm tăng thị phần tại ĐBSCL</p> <p>Giao nhiệm vụ Ban TGD khẩn trương kiện toàn công tác nhân sự quản lý cấp trung các đơn vị Trại Tân Hiệp, Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Marketing - phát triển sản phẩm và Phòng Kinh doanh: đề xuất bổ nhiệm nội bộ hoặc tuyển dụng nguồn nhân lực bên ngoài trình HĐQT xem xét phê chuẩn.</p> <p>Phê duyệt chấp thuận đơn đề nghị chấm dứt hợp đồng lao động của ông Nguyễn Khắc Tùng - Giám đốc Marketing và phát triển sản phẩm</p> <p>Phê duyệt ông Lê Quang Hồng - Phó Phòng Tài chính Kế toán giữ chức vụ Quyền kế toán trưởng Công ty</p> <p>Phê duyệt nội dung Công trình nhà màng Dự án Dưa lưới công nghệ cao tại SRC: Chỉ định nhà thầu Công ty Kỹ thuật Nông nghiệp Đông Á (Kuji) là đơn vị thiết kế, thi công</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
14	14/NQ - HĐQT	06/12/2016	HĐQT yêu cầu Ban TGD phải quyết tâm nỗ lực bán hàng và có giải pháp tiêu thụ hết hàng tồn kho để giảm thiểu rủi ro hàng quá vụ, đặc biệt đối với hàng Dekalb
			Thông qua kế hoạch SXKD năm 2017, doanh thu thuần dự kiến 534 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế dự kiến 56 tỷ đồng, mức tăng trưởng doanh thu 22% so với năm 2016
			HĐQT giao Ban TGD Công ty trực mắt tái cấu trúc bộ máy Phòng Kinh doanh, bộ phận Marketing - Phát triển sản phẩm
			Xem xét điều chỉnh cơ chế tiền lương cho bộ phận kinh doanh, Marketing nhằm thúc đẩy tăng trưởng bán hàng năm 2017. Tiếp tục tuyển dụng bổ sung Phó TGD Sản xuất và Phó TGD Nghiên cứu, Trợ lý TGD
			Thông qua kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất năm 2017, đầu tư các hạng mục nâng cấp hệ thống sấy, hệ thống chế biến tại Nhà máy Cai Lậy, Cờ Đỏ, dự toán 5,1 tỷ đồng
15	15/NQ - HĐQT	28/12/2016	HĐQT giao Phó TGD phụ trách Kinh doanh trực tiếp chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất của 3 đơn vị tại ĐBSCL, bao gồm: Chi nhánh Trà Vinh, chi nhánh trại Cờ Đỏ, chi nhánh trạm Cai Lậy
			HĐQT chỉ đạo Ban TGD tạm ngưng triển khai đầu tư Công trình nhà màng Dự án Dưa lưới Công nghệ cao tại SRC với Công ty Kỹ thuật Nông nghiệp Đông Á (Kuji) mà HĐQT đã thông qua
			Bổ nhiệm ông Lê Minh Chánh - Kỹ sư Nông học, hiện nay là Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Giống cây trồng miền Nam (SRC), giữ chức vụ Phó TGD, phụ trách Sản xuất - Quản lý chất lượng
			Tuyển dụng và bổ nhiệm ông Trịnh Minh Hợp, Tiến sỹ Di truyền và chọn giống cây trồng, giữ chức vụ Phó TGD phụ trách nghiên cứu kiêm Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Giống cây trồng miền Nam
			Miễn nhiệm chức danh TGD Công ty đối với ông Hàng Phi Quang, theo nguyện vọng cá nhân, hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017, tiếp tục nhiệm vụ thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 - 2019
			Bổ nhiệm ông Bùi Quang Sơn, Kỹ sư Trồng trọt hiện nay là Phó TGD phụ trách kinh doanh giữ chức vụ Quyền TGD, hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã tiến hành 7 cuộc họp, ban hành 15 Nghị quyết trực tiếp chỉ đạo đối với Ban Tổng Giám đốc triển khai các vấn đề Hội đồng quản trị đã thông qua nhằm thực hiện các chỉ tiêu doanh thu (469 tỷ đồng), lợi nhuận sau thuế (65,5 tỷ đồng) mà Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua. Qua đó HĐQT đã giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên và Nghị quyết của HĐQT.

Kết quả năm 2016: doanh thu hợp nhất 444 tỷ đồng đạt 85,05% so với cùng kỳ và 94,67% so với kế hoạch; lợi nhuận sau thuế thực hiện 35,77 tỷ đồng đạt 77,11% so với cùng kỳ và 54,62% so với kế hoạch đề ra. Doanh thu và lợi nhuận chưa đạt kế hoạch đã đề ra.

Giám sát công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên ngày 23/4/2016 của SSC, HĐQT Tổng Giám đốc đã triển khai và quán triệt thực hiện các nội dung công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên thành công theo đúng quy định.

Giám sát kế hoạch kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, theo dõi công nợ, bảo quản hàng tồn kho, HĐQT đề nghị Ban Điều hành đặt trọng tâm triển khai bán hàng và theo dõi thu hồi, kiểm soát công nợ và các giải pháp thực hiện bảo quản hàng tồn kho.

Giám sát triển khai xây dựng kế hoạch sản xuất bổ sung năm 2016. Kế hoạch sản xuất giống F1 năm 2017 để đáp ứng yêu cầu kinh doanh.

Giám sát việc thực hiện Hợp đồng liên doanh với Công ty Phát triển Nhà Deawon Thủ Đức trong việc triển khai Dự án 282 Lê Văn Sỹ.



HOẠT ĐỘNG CỦA TIỂU BAN

Tiểu ban Tái cấu trúc và Đầu tư

- Thảo luận xây dựng kế hoạch kinh doanh 2016 và chiến lược sản xuất kinh doanh, tài chính, sản phẩm, R&D giai đoạn 2016 - 2020.
- Thảo luận kế hoạch chi trả cổ tức năm 2015 (đã hoàn tất thanh toán cổ tức 20%/năm)
- Thảo luận các vấn đề tài chính khi thực hiện chuyển quyền sử dụng đất sang liên doanh đối với Dự án 282 Lê Văn Sỹ với Daewon Thủ Đức.
- Thảo luận lựa chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 của SSC và của các Công ty con.
- Thảo luận kết quả thực hiện tái cấu trúc giai đoạn 1 và triển khai tái cấu trúc giai đoạn 2 của Công ty, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức một đơn vị/bộ phận và định biên lại lao động.
- Thảo luận chiến lược kinh doanh lúa thuần Đồng bằng Sông Cửu Long, giai đoạn 2017 - 2020.
- Thảo luận xây dựng các giải pháp tổng thể: về nguồn nhân lực, sản xuất, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ chế, chính sách bán hàng để mở rộng quy mô kinh doanh thực hiện chiến lược kinh doanh tại Đồng bằng Sông Cửu Long.

Tiểu ban Khoa học và Công nghệ

- Thảo luận chương trình kế hoạch Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ; đưa ra các chiến lược nghiên cứu sản phẩm.
- Tìm hiểu nhu cầu của thị trường để đưa ra những sản phẩm đáp ứng theo yêu cầu kinh doanh của Công ty.

Tiểu ban Nhân sự - Lương thưởng

- Thảo luận nội dung tái cấu trúc giai đoạn 2; Thảo luận xây dựng chính sách thu hút và giữ nhân tài, đặc biệt là đội ngũ cán bộ nguồn, chuyên gia công nghệ, cán bộ nghiên cứu và chính sách đối với cán bộ nghiên cứu trước.
- Thảo luận quyết toán thù lao cho HĐQT, BKS năm 2015 và kế hoạch chi trả HĐQT, BKS năm 2016.
- Thảo luận và đề xuất tiền lương của Tổng Giám đốc năm 2016; Thảo luận và đề xuất đơn giá tiền lương năm 2016.
- Thảo luận cơ chế sử dụng Quỹ Đầu tư phát triển để thực hiện chi trả tiền lương cho bộ phận nghiên cứu phát triển (bổ sung quỹ lương của Công ty).
- Thảo luận bổ nhiệm, miễn nhiệm nhân sự quản lý các đơn vị; Thảo luận việc chấp thuận đơn từ nhiệm của UV.HĐQT Nguyễn Quốc Vọng.
- Thảo luận bổ nhiệm, miễn nhiệm nhân sự quản lý cấp cao Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng Công ty. Kiện toàn công tác nhân sự quản lý cấp cao của Công ty theo mục tiêu, định hướng chiến lược phát triển, giai đoạn 2017 - 2020.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Có 04 thành viên HĐQT và Thư ký Công ty đã có chứng chỉ quản trị Công ty niêm yết. Năm 2016, Ủy viên Hàng Phi Quang kiêm TGD và Thư ký Công ty Lê Thái Bình đã tham dự Hội thảo “Luật Doanh nghiệp năm 2014, các quy định mới về quản trị Công ty và khả năng áp dụng đối với Doanh nghiệp Việt Nam”.



THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL
1	Ông Phan Thế Tý	Trưởng ban	0	0%
2	Ông Nguyễn Khánh Quỳnh	Ủy viên	0	0%
3	Ông Nguyễn Hữu Hòa	Ủy viên	6	0%

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TGD VÀ CỔ ĐÔNG

Các phiên họp của HĐQT và Hội nghị sơ kết, tổng kết Công ty đều có sự tham gia của BKS để nắm bắt thông tin và đóng góp ý kiến đối với HĐQT, Ban TGD.

BKS đã tiến hành các hoạt động giám sát thường xuyên, định kỳ hàng quý đối với Ban TGD Công ty để đảm bảo hoạt động SXKD của Công ty tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế, quy định quản lý nội bộ hiện hành.

Báo cáo tài chính Quý 1, Quý 2, Quý 3, Quý 4 của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Các khoản chi phí, trích lập dự phòng công nợ, hàng tồn kho, khoản phải thu khó đòi theo đúng các Thông tư

hướng dẫn của Bộ Tài chính và theo quy chế, quy định quản lý của Công ty đã ban hành. Các Báo cáo tài chính đã công bố thông tin theo đúng quy định.

Công ty đã thực hiện nâng cấp phần mềm kế toán Fast Business Online để đáp ứng yêu cầu kế toán tài chính và kế toán quản trị theo hệ thống quản trị của Công ty mẹ, áp dụng từ tháng 4/2016.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

BKS phối hợp chặt chẽ với HĐQT, trong các phiên họp của HĐQT đều có tham gia phát biểu và đóng góp ý kiến.

BKS phối hợp chặt chẽ với Ban TGD trong việc kiểm tra, kiểm soát định kỳ. Ban TGD bố trí nhân sự, tạo điều kiện làm việc cho BKS thuận lợi, cung cấp các thông tin về Báo cáo tài chính, đầy đủ, rõ ràng, kịp thời.

Hoạt động khác của BKS: Không có.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Năm 2016 chưa chi trả cho thành viên HĐQT, BKS, sau ĐHĐCĐ thường niên 2017 ngày 27/4/2017 quyết toán thông qua mới thực hiện chi trả .

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu Công ty

Không phát sinh giao dịch.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có.

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty luôn duy trì công tác cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước ban hành và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ công ty.





PHẦN V

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 6 năm 2002 và các GCNĐKKD điều chỉnh như sau:

<i>GCNĐKKD điều chỉnh</i>	<i>Ngày</i>
4103001067 - Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 16 tháng 7 năm 2003
4103001067 - Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 17 tháng 8 năm 2007
4103001067 - Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 21 tháng 5 năm 2008
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 7 tháng 6 năm 2011
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 6 tháng 9 năm 2011
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 26 tháng 5 năm 2014
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 2 tháng 7 năm 2014
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ tám	Ngày 9 tháng 1 năm 2017

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại; sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, vật tư nông nghiệp; sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật; và thiết kế, chế tạo, lắp đặt, xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị chế biến hạt giống và nông sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 282 đường Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có các đơn vị trực thuộc là trạm giống cây trồng Củ Chi, trạm giống cây trồng Cai Lậy, trại giống cây trồng Cờ Đỏ, trại giống cây trồng Lâm Hà, trại giống cây trồng Tân Hiệp và trung tâm nghiên cứu giống cây trồng Miền Nam, các chi nhánh tại Hà Nội, Miền Trung, Trà Vinh và Campuchia, và Văn phòng đại diện tại Lào.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Thị Lệ Hằng	Chủ tịch	
Bà Trần Kim Liên	Phó Chủ tịch	
Ông Hàng Phi Quang	Thành viên	
Ông Đỗ Bá Vọng	Thành viên	
Ông Nguyễn Quốc Vọng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Thế Tý	Trưởng ban
Ông Nguyễn Khánh Quỳnh	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Hòa	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Quang Sơn	Tổng Giám Đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2017
Ông Hàng Phi Quang	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2017
Ông Lê Minh Chánh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2017
Ông Trịnh Minh Hợp	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2017
Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 7 tháng 11 năm 2016
Ông Dương Thành Tài	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Quang Sơn
Ông Hàng Phi Quang

Tổng Giám Đốc
Tổng Giám đốc

bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2017
miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2017

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc: 



Bùi Quang Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2017



Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61000411/18590853-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3021-2014-004-1

Ngô Hồng Sơn
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2211-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

3B1
ÔN
INH
ST
IỆ
7E

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		284.600.849.234	370.291.776.525
110	<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	4	36.413.487.890	22.397.398.591
111	1. Tiền		18.264.482.285	18.397.398.591
112	2. Các khoản tương đương tiền		18.149.005.605	4.000.000.000
130	<i>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		111.319.853.767	112.924.727.770
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	83.758.266.223	93.755.883.807
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	12.523.995.410	6.358.082.834
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		200.000.000	200.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	18.528.423.589	15.759.960.603
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(3.944.299.664)	(3.193.230.601)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		253.468.209	44.031.127
140	<i>III. Hàng tồn kho</i>	7	132.547.949.821	230.319.590.062
141	1. Hàng tồn kho		133.539.510.764	241.266.006.833
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(991.560.943)	(10.946.416.771)
150	<i>IV. Tài sản ngắn hạn khác</i>		4.319.557.756	4.650.060.102
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	1.001.024.411	955.986.023
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	14	3.177.405.967	3.540.968.136
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	4.576.484	153.105.943
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		136.550.894	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		112.967.564.150	131.001.488.748
220	<i>I. Tài sản cố định</i>		91.027.117.682	102.301.731.809
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	51.924.157.206	62.952.527.471
222	Nguyên giá		125.475.761.585	126.513.315.785
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(73.551.604.379)	(63.560.788.314)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	39.102.960.476	39.349.204.338
228	Nguyên giá		43.967.859.233	43.592.859.233
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.864.898.757)	(4.243.654.895)
240	<i>II. Tài sản dở dang dài hạn</i>		12.444.043.962	12.144.885.972
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	12.444.043.962	12.144.885.972
260	<i>III. Tài sản dài hạn khác</i>		9.496.402.506	16.554.870.967
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	4.778.765.250	12.159.589.874
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.3	4.165.556.021	3.659.172.779
269	3. Lợi thế thương mại	12	552.081.235	736.108.314
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		397.568.413.384	501.293.265.273

180
G T
M H
K Y
N A
H O

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		49.541.741.538	142.432.539.174
310	I. Nợ ngắn hạn		48.594.488.833	141.219.184.079
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	19.660.273.418	20.490.495.768
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		842.431.253	2.002.896.660
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	5.194.553.746	1.711.394.988
314	4. Phải trả người lao động		-	144.163.773
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	4.220.344.471	4.640.983.386
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	5.171.590.346	7.279.325.707
320	7. Vay ngắn hạn	18	10.304.768.864	100.348.260.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	3.200.526.735	4.601.663.797
330	II. Nợ dài hạn		947.252.705	1.213.355.095
337	1. Phải trả dài hạn khác		947.252.705	1.213.355.095
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		348.026.671.846	358.860.726.099
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	348.026.671.846	358.860.726.099
411	1. Vốn cổ phần		149.923.670.000	149.923.670.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		149.923.670.000	149.923.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		8.520.414.412	8.520.414.412
414	3. Cổ phiếu quỹ		(817.291.640)	(817.291.640)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		93.490.231.530	99.379.905.421
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		95.504.285.960	100.546.205.370
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		59.824.155.976	54.244.113.947
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		35.680.129.984	46.302.091.423
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.405.361.584	1.307.822.536
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		397.568.413.384	501.293.265.273

Phan Hải Yến

Phan Hải Yến
Người lập

Lê Quang Hồng

Lê Quang Hồng
Kế toán trưởng



Bùi Quang Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	508.407.811.571	595.992.453.787
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(64.452.571.424)	(73.844.437.867)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	443.955.240.147	522.148.015.920
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		(312.999.731.642)	(365.383.769.450)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		130.955.508.505	156.764.246.470
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	2.397.949.637	1.020.178.008
22	7. Chi phí tài chính	21	(5.164.056.895)	(3.727.593.699)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(4.264.620.907)	(2.923.130.710)
25	8. Chi phí bán hàng	22	(47.171.206.347)	(52.343.596.701)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(36.217.982.391)	(45.294.392.197)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		44.800.212.509	56.418.841.881
31	11. Thu nhập khác	24	855.064.797	5.241.228.819
32	12. Chi phí khác	24	(748.239.542)	(2.127.788.564)
40	13. Lợi nhuận khác	24	106.825.255	3.113.440.255
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		44.907.037.764	59.532.282.136
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(9.639.209.974)	(14.567.388.116)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	25.1	506.383.242	1.428.205.651
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		35.774.211.032	46.393.099.671
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		35.680.129.984	46.302.091.423
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		94.081.048	91.008.248
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	2.199	2.952
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	27	2.199	2.952

Phan Hải Yến
Người lập

Lê Quang Hồng
Kế toán trưởng

Bùi Quang Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

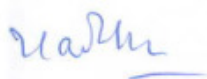
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		44.907.037.764	59.532.282.136
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	8, 9, 12	11.827.761.558	11.316.480.871
03	Các khoản dự phòng		(9.203.786.765)	8.178.832.996
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(280.431.837)	117.408.200
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.687.328.876)	(889.683.850)
06	Chi phí lãi vay	21	4.264.620.907	2.923.130.710
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		49.827.872.751	81.178.451.063
09	Giảm các khoản phải thu		1.229.345.674	25.158.885.985
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		107.726.496.069	(48.608.891.002)
11	Giảm các khoản phải trả		(17.838.146.377)	(38.381.255.802)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		7.423.786.236	(5.204.240.229)
14	Tiền lãi vay đã trả		(4.264.620.907)	(2.923.130.710)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.133.148.476)	(22.742.132.630)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.860.964.569)	(5.105.105.424)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		133.110.620.401	(16.627.418.749)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(970.950.537)	(11.905.633.367)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định	24	123.000.000	-
27	Tiền lãi đã nhận		1.779.001.071	889.683.850
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		931.050.534	(11.015.949.517)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	18	103.615.151.662	228.884.440.444
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	18	(193.658.642.798)	(186.409.278.044)
36	Cổ tức đã trả	19.2	(29.982.090.500)	(59.411.181.599)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(120.025.581.636)	(16.936.019.199)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm		14.016.089.299	(44.579.387.465)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		22.397.398.591	66.976.786.056
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	36.413.487.890	22.397.398.591




Phan Hải Yên
Người lập



Lê Quang Hồng
Kế toán trưởng




Bùi Quang Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 6 năm 2002 và các GCNĐKKD điều chỉnh như sau:

<i>GCNĐKKD điều chỉnh</i>	<i>Ngày</i>
4103001067 - Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 16 tháng 7 năm 2003
4103001067 - Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 17 tháng 8 năm 2007
4103001067 - Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 21 tháng 5 năm 2008
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 7 tháng 6 năm 2011
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 6 tháng 9 năm 2011
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 26 tháng 5 năm 2014
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 2 tháng 7 năm 2014

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm công ty") là nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại; sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, vật tư nông nghiệp; sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật; và thiết kế, chế tạo, lắp đặt, xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị chế biến hạt giống và nông sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 282 đường Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có các đơn vị trực thuộc là trạm giống cây trồng Củ Chi, trạm giống cây trồng Cai Lậy, trại giống cây trồng Cờ Đỏ, trại giống cây trồng Lâm Hà, trại giống cây trồng Tân Hiệp và trung tâm nghiên cứu giống cây trồng Miền Nam, các chi nhánh tại Hà Nội, Miền Trung, Trà Vinh và Campuchia, và Văn phòng đại diện tại Lào.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 283 người (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 423 người).

Công ty có hai công ty con như sau:

Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam ("SSE")

SSE là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 0309966504 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 4 năm 2010 và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của SSE tại số 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính theo GCNĐKKD của SSE là sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị.

Hiện tại, SSE đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình xin phá sản theo quy định hiện hành.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty nắm giữ 83,74% phần vốn chủ sở hữu trong SSE.

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Nghệ An ("NAS")

NAS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 270300045 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 21 tháng 1 năm 2002 và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của NAS tại xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Hoạt động chính của NAS là mua bán hạt giống, vật tư nông nghiệp, nông sản; cung cấp dịch vụ sấy, đóng gói, mua bán máy nông nghiệp; và sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty nắm giữ 70,00% phần vốn chủ sở hữu trong NAS.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty"), được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu ngắn hạn khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	10 - 49 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận tải	3 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Bản quyền	10 - 20 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm

3.7 Thuế tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty, và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn/Nhóm Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	611.663.807	615.954.900
Tiền gửi ngân hàng	17.652.818.478	17.781.443.691
Các khoản tương đương tiền (*)	18.149.005.605	4.000.000.000
TỔNG CỘNG	36.413.487.890	22.397.398.591

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng, và hưởng lãi suất ngân hàng có thể áp dụng.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ bên khác		
Cục Trồng Trọt – Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	46.208.800.000	23.379.275.000
Các khách hàng khác	37.549.466.223	70.376.608.807
TỔNG CỘNG	83.758.266.223	93.755.883.807
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.944.299.664)	(3.193.230.601)
GIÁ TRỊ THUẦN	79.813.966.559	90.562.653.206

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(3.193.230.601)	(1.980.334.490)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(1.441.467.647)	(1.605.333.378)
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	690.398.584	392.437.267
Số cuối năm	(3.944.299.664)	(3.193.230.601)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho bên khác		
Công ty TNHH Asia Pacific (NZ)	1.701.976.648	19.213.980
Các người bán khác	10.822.018.762	6.338.868.854
TỔNG CỘNG	12.523.995.410	6.358.082.834

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	10.194.212.911	3.954.997.869
Tạm ứng cho nông dân	3.623.894.139	2.808.788.509
Ký cược, ký quỹ	1.135.018.230	2.858.902.000
Dự án nghiên cứu chất lượng giống lúa lai xuất khẩu phải thu từ Nhà nước	-	1.994.579.502
Khác	3.575.298.309	4.142.692.723
TỔNG CỘNG	18.528.423.589	15.759.960.603

7. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên, vật liệu	81.388.968.472	(836.964.091)	125.945.430.212	(3.261.701.262)
Thành phẩm	26.146.036.861	(154.596.852)	63.120.880.559	(430.051.444)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.549.976.237	-	12.543.269.355	-
Hàng hóa	10.700.798.264	-	37.875.662.887	(7.254.664.065)
Công cụ, dụng cụ	1.753.730.930	-	1.778.766.386	-
Hàng gửi đi bán	-	-	825.239	-
Hàng mua đang đi đường	-	-	1.172.195	-
TỔNG CỘNG	133.539.510.764	(991.560.943)	241.266.006.833	(10.946.416.771)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(10.946.416.771)	(3.980.479.886)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(681.656.521)	(10.636.512.349)
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	10.636.512.349	3.670.575.464
Số cuối năm	(991.560.943)	(10.946.416.771)

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND
Nguyên giá:					
Số đầu năm	78.305.869.559	28.018.408.358	17.243.128.049	2.945.909.819	126.513.315.785
Mua trong năm	-	-	119.548.747	177.243.800	296.792.547
Thanh lý	-	-	(1.111.242.247)	(135.104.500)	(1.246.346.747)
Chuyển sang chi phí trả trước	-	(88.000.000)	-	-	(88.000.000)
Số cuối năm	78.305.869.559	27.930.408.358	16.251.434.549	2.988.049.119	125.475.761.585
Trong đó:					
Tạm thời không sử dụng	2.250.221.856	591.548.415	-	-	2.841.770.271
Đã khấu hao hết	17.017.676.996	8.268.490.218	5.918.523.456	438.032.615	31.642.723.285
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	(35.348.087.974)	(15.219.584.061)	(11.566.206.115)	(1.426.910.164)	(63.560.788.314)
Khấu hao trong năm	(5.659.696.176)	(3.947.421.463)	(896.053.570)	(519.319.409)	(11.022.490.617)
Thanh lý	-	-	1.002.561.568	29.112.984	1.031.674.552
Số cuối năm	(41.007.784.149)	(19.167.005.524)	(11.459.698.117)	(1.917.116.589)	(73.551.604.379)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	42.957.781.585	12.798.824.297	5.676.921.934	1.518.999.655	62.952.527.471
Số cuối năm	37.298.085.410	8.763.402.834	4.791.736.432	1.070.932.530	51.924.157.206

g Miền Nam

B09-DN/HN

HAT (tiếp theo)
1 tháng 12 năm 2016

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền	Tổng cộng
				VND
	40.684.335.409	683.523.824	2.225.000.000	43.592.859.233
	-	-	375.000.000	375.000.000
	<u>40.684.335.409</u>	<u>683.523.824</u>	<u>2.600.000.000</u>	<u>43.967.859.233</u>
	446.302.520	-	254.663.824	700.966.344
	(3.840.733.983)	(364.795.913)	(38.124.999)	(4.243.654.895)
	<u>(299.188.017)</u>	<u>(136.743.341)</u>	<u>(185.312.504)</u>	<u>(621.243.862)</u>
	<u>(4.139.922.000)</u>	<u>(501.539.254)</u>	<u>(223.437.503)</u>	<u>(4.864.898.757)</u>
	<u>36.843.601.426</u>	<u>318.727.911</u>	<u>2.186.875.001</u>	<u>39.349.204.338</u>
	36.544.413.409	181.984.570	2.376.562.497	39.102.960.476

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Quyền sử dụng đất	11.903.862.672	11.903.862.672
Khác	<u>540.181.290</u>	<u>241.023.300</u>
TỔNG CỘNG	<u>12.444.043.962</u>	<u>12.144.885.972</u>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	1.001.024.411	955.986.023
Chi phí sửa chữa, cải tạo	320.695.835	546.745.091
Công cụ, dụng cụ	181.042.966	371.196.825
Khác	499.285.610	38.044.107
Dài hạn	4.778.765.250	12.159.589.874
Chi phí sửa chữa, cải tạo	2.071.382.223	2.339.920.649
Công cụ, dụng cụ	830.503.568	1.056.971.651
Chi phí nghiên cứu giống	-	6.110.345.871
Chi phí thuê đất	-	1.017.114.294
Khác	<u>1.876.879.459</u>	<u>1.635.237.409</u>
TỔNG CỘNG	<u>5.779.789.661</u>	<u>13.115.575.897</u>

12. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND
	<i>Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất NAS</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>1.840.270.788</u>
Phân bổ lũy kế:	
Số đầu năm	(1.104.162.474)
Phân bổ trong năm	<u>(184.027.079)</u>
Số cuối năm	<u>(1.288.189.553)</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	<u>736.108.314</u>
Số cuối năm	<u>552.081.235</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên khác	15.538.873.418	20.490.495.768
<i>Sichuan Longping High-tech Co., Ltd</i>	4.867.181.892	8.864.583.300
<i>Sichuan Nongda High-tech Co., Ltd</i>	2.274.610.950	4.676.225.297
<i>Asia Pacific (NZ) Ltd., Co., Ltd</i>	1.660.103.788	-
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	6.736.976.788	6.949.687.171
Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 26</i>)	4.121.400.000	-
TỔNG CỘNG	19.660.273.418	20.490.495.768

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải trả trong năm	Số đã trả/ căn trừ trong năm	Số cuối năm
<i>Phải nộp</i>				
Thuế giá trị gia tăng	378.825.751	284.746.928	282.475.750	381.096.929
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.178.539.598	9.639.209.974	6.133.148.476	4.684.601.096
Thuế thu nhập cá nhân	154.029.639	245.705.482	270.879.400	128.855.721
TỔNG CỘNG	1.711.394.988	10.169.662.384	6.686.503.626	5.194.553.746
<i>Phải thu</i>				
Thuế giá trị gia tăng	3.540.968.136	1.364.015.013	1.727.577.182	3.177.405.967
Các loại thuế khác	153.105.943	1.073.132.914	1.221.662.373	4.576.484
TỔNG CỘNG	3.694.074.079	2.437.147.927	2.949.239.555	3.181.982.451

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	628.144.321	230.341.139
Hỗ trợ phí chuyển tiền	209.420.848	692.136.586
Chi phí vận chuyển	-	1.180.569.352
Khác	3.382.779.302	2.537.936.309
TỔNG CỘNG	<u>4.220.344.471</u>	<u>4.640.983.386</u>

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng từ quỹ Thách thức Doanh nghiệp Việt Nam ("VBCF")	1.416.604.000	1.416.604.000
Cổ tức phải trả	1.063.374.000	688.377.500
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	803.317.056	470.421.656
Bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp	409.448.280	274.231.773
Kinh phí công đoàn	74.928.303	161.373.768
Tiền thuê đất	-	784.490.336
Khác	2.185.071.153	3.483.826.674
TỔNG CỘNG	<u>5.171.590.346</u>	<u>7.279.325.707</u>

17. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.601.663.796	6.259.921.420
Cộng: Trích lập quỹ trong năm (Thuyết minh số 19.1)	3.593.593.316	2.222.653.000
Trừ: Sử dụng quỹ trong năm	<u>(4.994.730.377)</u>	<u>(3.880.910.624)</u>
Số cuối năm	<u>3.200.526.735</u>	<u>4.601.663.796</u>

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

18. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	100.348.260.000	103.615.151.662	193.658.642.798	10.304.768.864

Công ty thực hiện khoản vay tín chấp ngắn hạn nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	6.472.543.764	Từ ngày 15 tháng 2 năm 2017 đến ngày 16 tháng 5 năm 2017	Từ 4,6 đến 5,0
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng	3.832.225.100	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2017 đến ngày 3 tháng 2 năm 2017	Từ 4,6 đến 5,1
TỔNG CỘNG	10.304.768.864		

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Năm trước						
Số đầu năm	149.923.670.000	8.520.414.412	(817.291.640)	100.374.171.559	100.163.068.208	358.164.032.539
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	46.302.091.423	46.302.091.423
Hoàn nhập quỹ	-	-	-	(994.266.138)	994.266.138	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.222.653.000)	(2.222.653.000)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(44.690.567.399)	(44.690.567.399)
Số cuối năm	149.923.670.000	8.520.414.412	(817.291.640)	99.379.905.421	100.546.205.370	357.552.903.563
Năm nay						
Số đầu năm	149.923.670.000	8.520.414.412	(817.291.640)	99.379.905.421	100.546.205.370	357.552.903.563
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	35.680.129.984	35.680.129.984
Trích lập quỹ	-	-	-	6.771.369.078	(6.771.369.078)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.593.593.316)	(3.593.593.316)
Giảm khác (*)	-	-	-	(12.661.042.969)	-	(12.661.042.969)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(30.357.087.000)	(30.357.087.000)
Số cuối năm	149.923.670.000	8.520.414.412	(817.291.640)	93.490.231.530	95.504.285.960	346.621.310.262

(*) Theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 11/NQ-HĐQT ngày 4 tháng 10 năm 2016, tất cả các chi phí trực tiếp phục vụ cho hoạt động nghiên cứu tại Trung tâm Nghiên cứu Giống Cây trồng Miền Nam ngoại trừ chi phí khấu hao và chi phí quản lý sẽ được sử dụng từ nguồn Quỹ đầu tư và phát triển. Theo đó, Công ty đã tiến hành ghi nhận các chi phí nghiên cứu trực tiếp phát sinh trong năm vào Quỹ đầu tư và phát triển với tổng số tiền là 12.661.042.969 VND.

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm và số cuối năm	<u>149.923.670.000</u>	<u>149.923.670.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức công bố	30.357.087.000	44.690.567.399
Cổ tức đã trả trong năm	29.982.090.500	59.411.181.599

19.3 Vốn cổ phần

	Cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	14.992.367	14.992.367
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.992.367	14.992.367
Cổ phiếu quỹ	(61.412)	(61.412)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.930.955	14.930.955

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	508.407.811.571	595.992.453.787
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	421.353.395.421	416.513.662.144
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	84.258.117.142	179.423.073.463
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	2.796.299.008	55.718.180
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(64.452.571.424)	(73.844.437.867)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(39.391.120.049)	(43.612.321.041)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(23.831.681.055)	(29.274.905.126)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	(1.229.770.320)	(957.211.700)
DOANH THU THUẦN	443.955.240.147	522.148.015.920
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	439.266.982.047	522.148.015.920
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	4.688.258.100	-

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

20. DOANH THU (tiếp theo)

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.779.001.071	130.494.158
Lãi tiền gửi	618.948.566	889.683.850
TỔNG CỘNG	2.397.949.637	1.020.178.008

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	4.264.620.907	2.923.130.710
Chiết khấu thanh toán	619.004.151	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	280.431.837	804.462.989
TỔNG CỘNG	5.164.056.895	3.727.593.699

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	47.171.206.347	52.343.596.701
Chi phí nguyên vật liệu	1.690.081.597	1.491.310.317
Chi phí nhân viên	6.094.701.859	7.423.839.942
Chi phí khấu hao và hao mòn	352.333.645	412.159.991
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.882.559.255	18.041.666.643
Chi phí khác	20.151.529.991	24.974.619.808
Chi phí quản lý doanh nghiệp	36.217.982.391	45.294.392.197
Chi phí nguyên vật liệu	1.368.986.967	1.676.082.828
Chi phí nhân viên	14.761.623.780	19.633.037.338
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.767.905.486	1.968.486.471
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.177.700.238	7.475.195.706
Chi phí khác	11.141.765.920	14.541.589.854
TỔNG CỘNG	83.389.188.738	97.637.988.898

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	295.230.784.747	330.261.967.630
Chi phí nhân viên	45.077.745.234	62.320.835.277
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 8,9 và 12)	11.827.761.558	11.316.480.871
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.813.191.414	36.170.375.444
Chi phí khác	34.271.263.510	47.832.753.465
TỔNG CỘNG	416.220.746.463	487.902.412.687

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	855.064.797	5.241.228.819
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	384.500.000	-
Cho thuê kho	212.181.847	235.576.364
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	123.000.000	-
Nhận hỗ trợ từ quỹ VCBF	-	4.719.171.000
Khác	135.382.950	286.481.455
Chi phí khác	(748.239.542)	(2.127.788.564)
Bồi thường do vi phạm hợp đồng	(403.769.900)	-
Khấu hao tài sản không sử dụng	(90.171.249)	-
Lãi phạt chậm nộp thuế	-	(1.872.125.460)
Khác	(254.298.393)	(255.663.104)
GIÁ TRỊ THUẬN	106.825.255	3.113.440.255

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Nhóm Công ty là 20% của thu nhập chịu thuế (2015: 22%).

Vào ngày 30 tháng 7 năm 2012, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận số 08/ĐK-DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh cấp, chấp thuận Công ty là Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ ("KH&CN"). Theo các quy định về Doanh nghiệp KH&CN, và các quy định về ưu đãi, miễn giảm thuế TNDN hiện hành thì Công ty được miễn, giảm thuế TNDN như doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ khi có thu nhập chịu thuế với điều kiện: doanh thu của các sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN trong năm thứ nhất từ 30% tổng doanh thu trở lên, năm thứ hai từ 50% tổng doanh thu trở lên và năm thứ ba trở đi từ 70% tổng doanh thu trở lên. Cụ thể:

- (i) Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động KH&CN; và
- (ii) Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 (bốn) năm và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không thỏa mãn điều kiện miễn, giảm thuế nói trên nên đã áp dụng thuế suất thuế TNDN lần lượt là 20% và 22%.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	VND Năm trước
Thuế TNDN hiện hành	9.639.209.974	14.567.388.116
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(506.383.242)	(1.428.205.651)
TỔNG CỘNG	9.132.826.732	13.139.182.465

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận chịu thuế và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	44.907.037.764	59.532.282.136
Thuế TNDN theo thuế suất 20% (2015: 22%)	8.984.625.305	13.097.214.808
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu	47.019.454	-
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	58.687.516	502.852.364
Phân bổ lợi thế thương mại	36.805.416	40.485.957
Thay đổi dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	5.689.041	87.047.248
<i>Điều chỉnh giảm</i>		
Thay đổi mức thuế suất	-	(588.417.912)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.132.826.732	13.139.182.465

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí phải trả ngắn hạn	3.804.422.857	3.365.405.629	439.017.228	1.785.853.200
Trợ cấp thời việc phải trả	166.574.908	215.475.387	(48.900.479)	80.491.989
Lợi nhuận chưa thực hiện	194.558.256	78.291.763	116.266.493	(438.139.538)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	4.165.556.021	3.659.172.779		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			506.383.242	1.428.205.651

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ chủ yếu của Công ty với bên liên quan trong năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	4.688.258.100	-

Chi tiết tiền lương và các chi phí liên quan của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và các chi phí liên quan	1.958.684.284	849.800.000

Khoản phải trả từ bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13)				
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	4.121.400.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

27. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	35.680.129.984	46.302.091.423
Trừ quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(2.854.410.399)	(2.222.653.000)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	32.825.719.585	44.079.438.423
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	14.930.955	14.930.955
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.199	2.952

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm trước đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2015 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 04/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 4 năm 2016.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2016 được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2016 theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 4 năm 2016.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là chế biến hạt giống và các sản phẩm nông nghiệp. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty cung cấp hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc Nhóm Công ty nhận định rằng Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

	VND	
	Số đầu năm	Số cuối năm
Dưới 1 năm	2.127.878.503	1.457.749.551
Từ 1 đến 5 năm	7.251.267.518	110.998.202
Trên 5 năm	214.265.037	255.889.363
TỔNG CỘNG	9.593.411.058	1.824.637.116

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

30. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	407.647.043	407.647.043
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	1.927	14.198
- Euro (EUR)	1	1

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Phan Hải Yến
Người lập

Lê Quang Hồng
Kế toán trưởng

Bùi Quang Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

TP. HỒ CHÍ MINH, NGÀY 20 THÁNG 4 NĂM 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Bùi Quang Sơn



